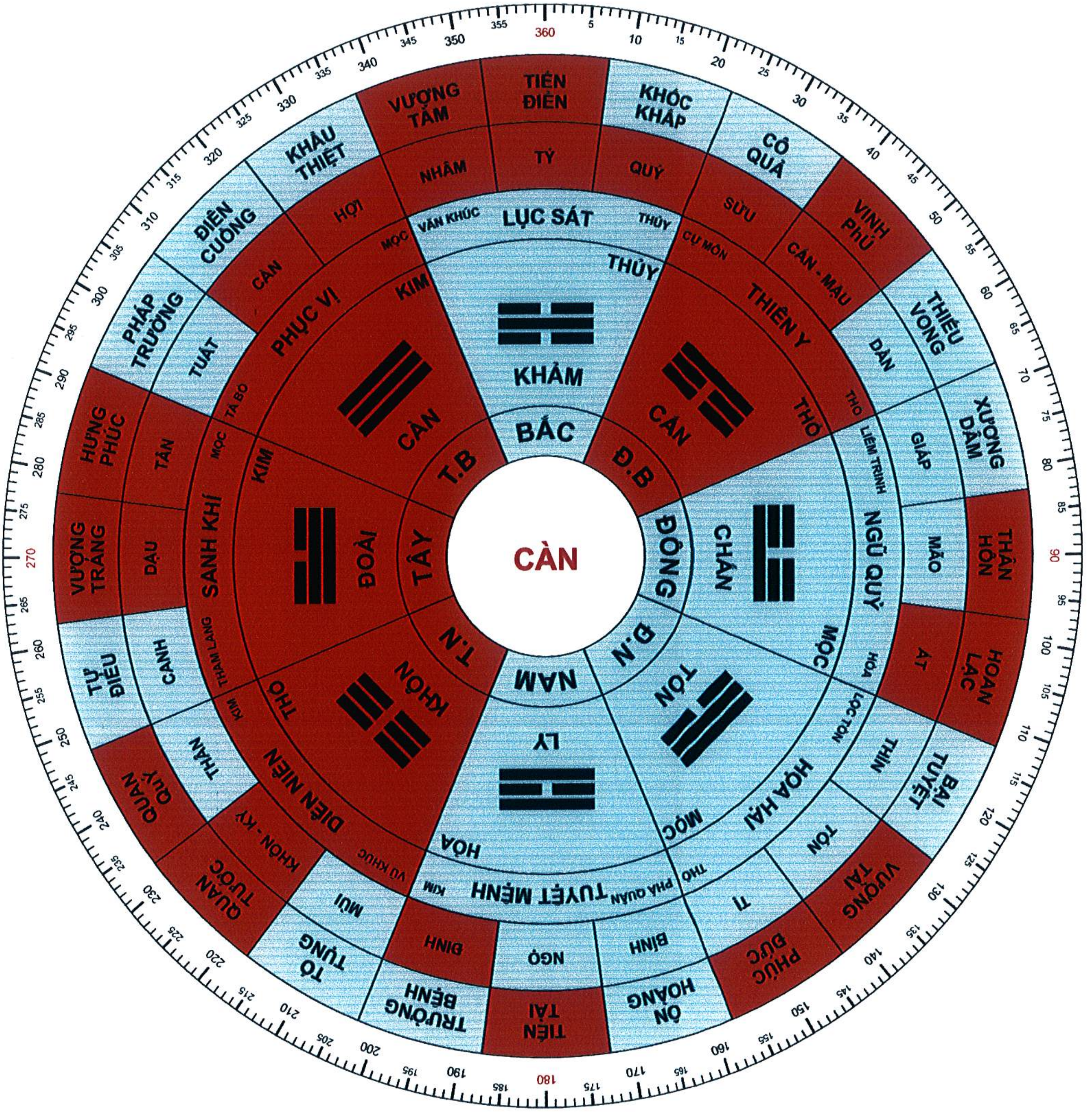
CÀN
BẮC
Đ.B
ĐÔNG
Đ.N
NAM
T.N
TÂY
T.B
KHẢM
CẤN
CHẤN
TỐN
LY
KHÔN
ĐOÀI
CÀN
THỦY
THỔ
MỘC
MỘC
HỎA
THỔ
KIM
KIM
LỤC SÁT
THIÊN Y
NGŨ QUỶ
HỌA HẠI
TUYỆT MỆNH
DIÊN NIÊN
SANH KHÍ
PHỤC VỊ
VĂN KHÚC
THỦY
CỰ MÔN
THỔ
LIÊM TRINH
HỎA
MỘC
LỘC TỒN
THỔ
PHÁ QUÂN
KIM
VŨ KHÚC
KIM
THAM LANG
MỘC
TẢ BỔ
MỘC
NHÂM
TÝ
QUÝ
SỬU
CẤN - MẬU
DẦN
GIÁP
MÃO
ẤT
THÌN
TỐN
TỊ
BÍNH
NGỌ
ĐINH
MÙI
KHÔN - KỶ
THÂN
CANH
DẬU
TÂN
TUẤT
CÀN
HỢI
TIẾN ĐIỀN
KHÓC KHẤP
CÔ QUẢ
VINH PHÚ
THIẾU VONG
XƯƠNG DÂM
THÂN HÔN
HOAN LẠC
BẠI TUYỆT
VƯỢNG TÀI
PHÚC ĐỨC
ÔN HOÀNG
TIẾN TÀI
TRƯỜNG BỆNH
TỐ TỤNG
QUAN TƯỚC
QUAN QUÝ
TỰ ĐIẾU
VƯỢNG TRANG
HƯNG PHÚC
PHÁP TRƯỜNG
ĐIÊN CUỒNG
KHẨU THIỆT
VƯỢNG TẦM
360
5
10
15
20
25
30
35
40
45
50
55
60
65
70
75
80
85
90
95
100
105
110
115
120
125
130
135
140
145
150
155
160
165
170
175
180
185
190
195
200
205
210
215
220
225
230
235
240
245
250
255
260
265
270
275
280
285
290
295
300
305
310
315
320
325
330
335
340
345
350
355

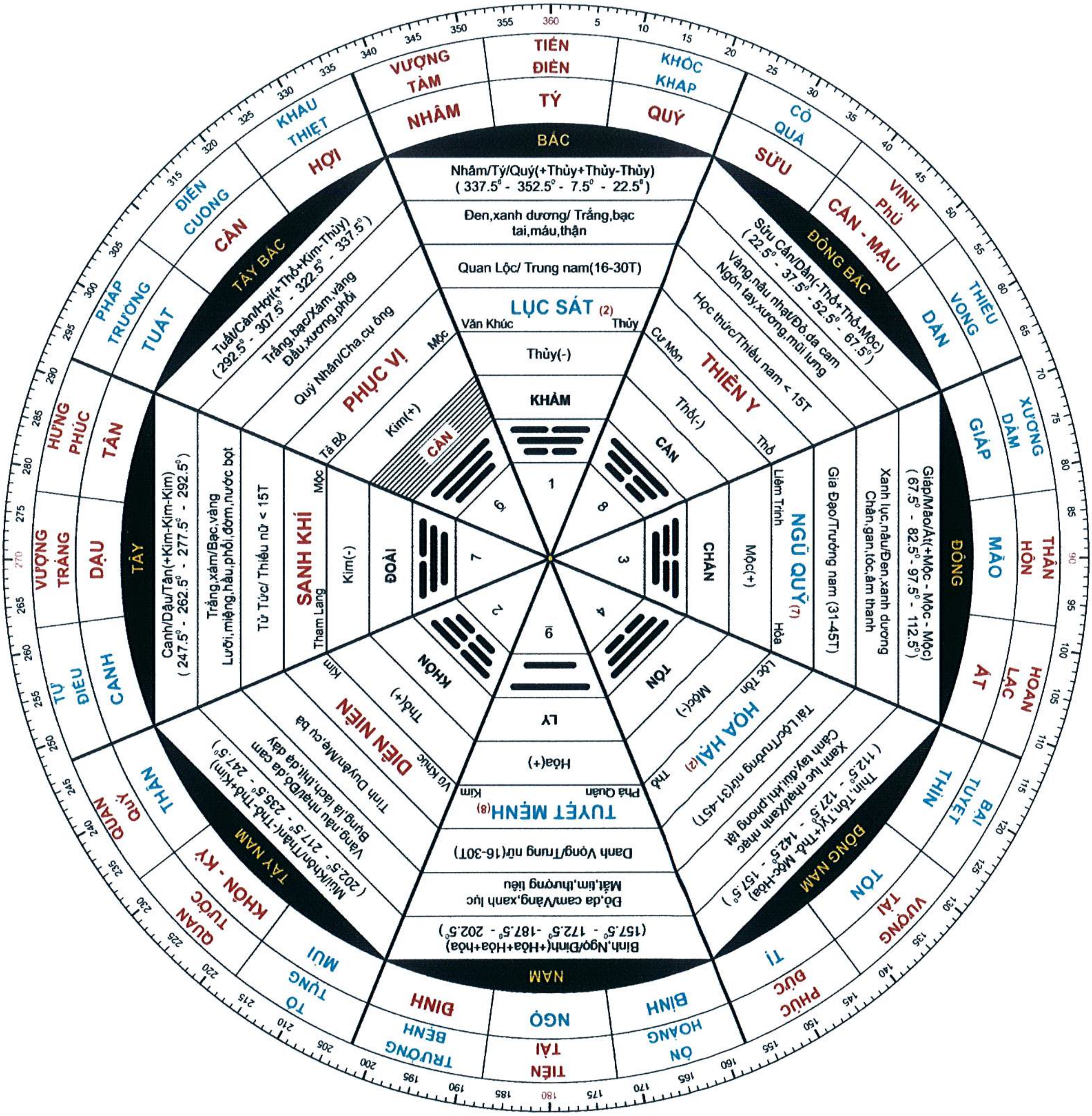
360 5 10 15 20 25 30 35 40 45 50 55 60 65 70 75 80 85 90 95 100 105 110 115 120 125 130 135 140 145 150 155 160 165 170 175 180 185 190 195 200 205 210 215 220 225 230 235 240 245 250 255 260 265 270 275 280 285 290 295 300 305 310 315 320 325 330 335 340 345 350 355
TIẾN ĐIỀN
VƯỢNG TÀM
KHÓC KHAP
NHÂM
TÝ
QUÝ
BẮC
Nhâm/Tý/Quý(+Thủy+Thủy-Thủy)
(337.5° - 352.5° - 7.5° - 22.5°)
Đen,xanh dương/ Trắng,bạc
tai,máu,thận
Quan Lộc/ Trung nam(16-30T)
LỤC SÁT (2)
Văn Khúc
Thủy
Thủy(-)
KHẢM
1
CÔ QUẢ
SỬU
VINH PHÚ
CẤN - MẬU
ĐÔNG BẮC
THIỂU VONG
DẦN
Sửu Cấn/Dần(-Thổ+Thổ-Mộc)
(22.5° - 37.5° - 52.5° - 67.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Ngón tay,xương,mũi lưng
Học thức/Thiếu nam < 15T
THIÊN Y
Cự Môn
Thổ(-)
Thổ
CẤN
8
XƯƠNG DÂM
GIÁP
ĐÔNG
MÃO
THẦN HỒN
ẤT
HOAN LẠC
Giáp/Mão/Ất(+Mộc - Mộc - Mộc)
(67.5° - 82.5° - 97.5° - 112.5°)
Xanh lục,nâu/Đen,xanh dương
Chân,gan,tóc,âm thanh
Gia Đạo/Trưởng nam (31-45T)
NGŨ QUỶ (7)
Liêm Trinh
Hỏa
Mộc(+)
CHẤN
3
BẠI TUYỆT
THÌN
ĐÔNG NAM
TỐN
VƯỢNG TÀI
TỊ
PHÚC ĐỨC
Thìn,Tốn,Tỵ(+Thổ-Mộc-Hỏa)
(112.5° - 127.5° - 142.5° - 157.5°)
Xanh lục nhạt/Xanh nhạt
Cánh tay,đùi,khí,phong tật
Tài Lộc/Trưởng nữ(31-45T)
HỌA HẠI (2)
Lộc Tồn
Thổ
Mộc(-)
TỐN
4
NAM
BÍNH
ÔN HOÀNG
NGỌ
TIẾN TÀI
ĐINH
TRƯỜNG BỆNH
Bính,Ngọ/Đinh(+Hỏa+Hỏa+hỏa)
(157.5° - 172.5° -187.5° - 202.5°)
Đỏ,da cam/Vàng,xanh lục
Mắt,tim,thượng tiêu
Danh Vọng/Trung nữ(16-30T)
TUYỆT MỆNH (8)
Phá Quân
Kim
Hỏa(+)
LY
9
MÙI
TỐ TỤNG
KHÔN - KỶ
QUAN TƯỚC
TÂY NAM
THÂN
QUAN QUÝ
Mùi/Khôn/Thân(-Thổ-Thổ+Kim)
(202.5° - 217.5° - 235.5° - 247.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Bụng,lá lách,thịt,dạ dày
Tình Duyên/Mẹ,cụ bà
DIÊN NIÊN
Vũ Khúc
Kim
Thổ(+)
KHÔN
2
CANH
TỬ ĐIỀU
TÂY
DẬU
VƯỢNG TRÁNG
TÂN
HƯNG PHÚC
Canh/Dậu/Tân(+Kim-Kim-Kim)
(247.5° - 262.5° - 277.5° - 292.5°)
Trắng,xám/Bạc,vàng
Lưỡi,miệng,hầu,phổi,đờm,nước bọt
Tử Tức/ Thiếu nữ < 15T
SANH KHÍ
Tham Lang
Mộc
Kim(-)
ĐOÀI
7
TUẤT
PHÁP TRƯỜNG
CÀN
ĐIÊN CUONG
TÂY BẮC
HỢI
KHAU THIỆT
Tuất/Càn/Hợi(+ Thổ+Kim-Thủy)
(292.5° - 307.5° - 322.5° - 337.5°)
Trắng,bạc/Xám,vàng
Đầu,xương,phổi
Quý Nhân/Cha,cụ ông
PHỤC VỊ
Mộc
Tả Bồ
Kim(+)
CÀN
6

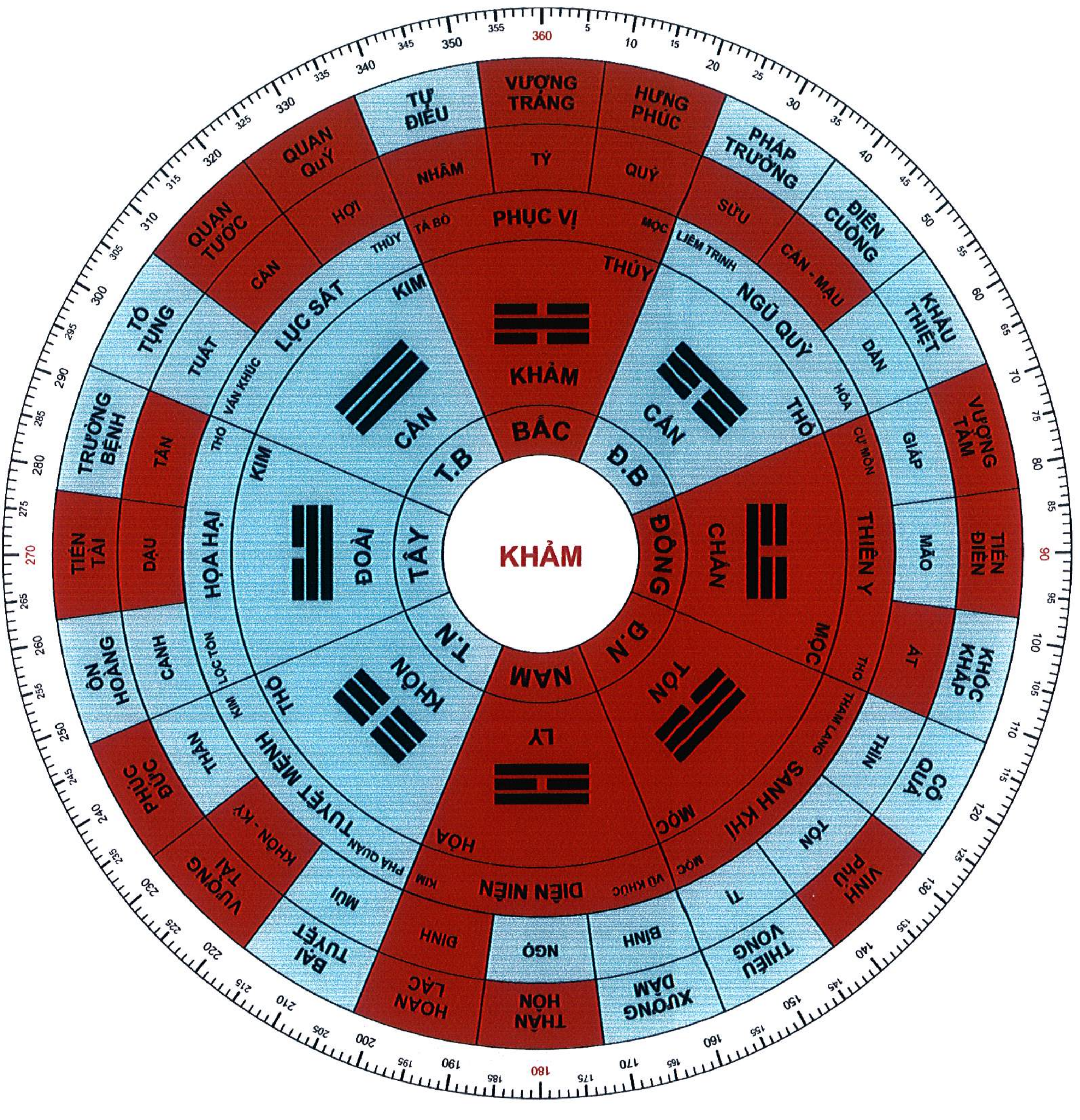
KHẢM
BẮC
Đ.B
ĐÔNG
Đ.N
NAM
T.N
TÂY
T.B
KHẢM
CẤN
CHẤN
TỐN
LY
KHÔN
ĐOÀI
CÀN
THỦY
THỔ
MỘC
MỘC
HỎA
THỔ
KIM
KIM
PHỤC VỊ
TẢ BÔ
MỘC
NGŨ QUỶ
LIÊM TRINH
HỎA
THIÊN Y
CỰ MÔN
THỔ
SANH KHÍ
THAM LANG
MỘC
DIÊN NIÊN
VŨ KHÚC
KIM
TUYỆT MỆNH
PHÁ QUÂN
KIM
HỌA HẠI
LỘC TỒN
THỔ
LỤC SÁT
VĂN KHÚC
THỦY
NHÂM
TÝ
QUÝ
SỬU
CẤN - MẬU
DẦN
GIÁP
MÃO
ẤT
THÌN
TỐN
TỊ
BÍNH
NGỌ
ĐINH
MÙI
KHÔN - KỶ
THÂN
CANH
DẬU
TÂN
TUẤT
CÀN
HỢI
VƯỢNG TRÁNG
HƯNG PHÚC
PHÁP TRƯỜNG
ĐIÊN CUỒNG
KHẨU THIỆT
VƯỢNG TẰM
TIẾN ĐIỀN
KHỐC KHẤP
CÔ QUẢ
VINH PHÚ
THIẾU VONG
XƯƠNG DÂM
THÂN HÔN
HOAN LẠC
BẠI TUYỆT
VƯỢNG TÀI
PHÚC ĐỨC
ÔN HOÀNG
TIẾN TÀI
TRƯỜNG BỆNH
TỐ TỤNG
QUAN TƯỚC
QUAN QuÝ
TỰ ĐIẾU
360
5
10
15
20
25
30
35
40
45
50
55
60
65
70
75
80
85
90
95
100
105
110
115
120
125
130
135
140
145
150
155
160
165
170
175
180
185
190
195
200
205
210
215
220
225
230
235
240
245
250
255
260
265
270
275
280
285
290
295
300
305
310
315
320
325
330
335
340
345
350
355

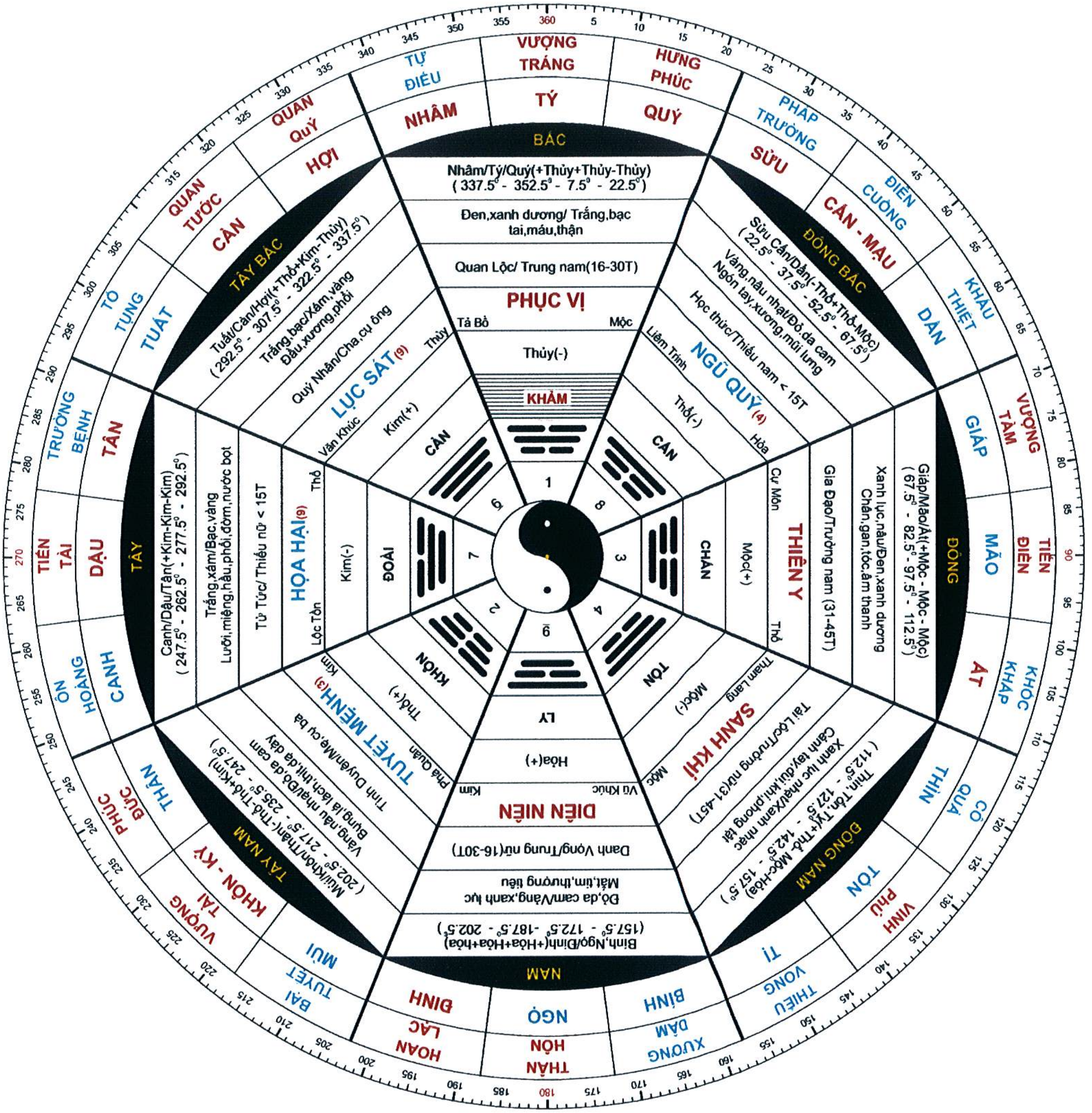360
5
10
15
20
25
30
35
40
45
50
55
60
65
70
75
80
85
90
95
100
105
110
115
120
125
130
135
140
145
150
155
160
165
170
175
180
185
190
195
200
205
210
215
220
225
230
235
240
245
250
255
260
265
270
275
280
285
290
295
300
305
310
315
320
325
330
335
340
345
350
355
VƯỢNG TRÁNG
TÝ
HƯNG PHÚC
QUÝ
PHÁP TRƯỜNG
SỬU
ĐIÊN CUỒNG
CẤN - MẬU
KHẨU THIỆT
DẦN
VƯỢNG TÀM
GIÁP
TIẾN ĐIỀN
MÃO
KHÓC KHẤP
ẤT
CÔ QUẢ
THÌN
VINH PHÚ
TỐN
THIÊU VONG
TỊ
XƯƠNG DÂM
BÍNH
THÂN HỒN
NGỌ
HOAN LẠC
ĐINH
BẠI TUYỆT
MÙI
VƯỢNG TÀI
KHÔN - KỶ
PHÚC ĐỨC
THÂN
ÔN HOÀNG
CANH
TIẾN TÀI
DẬU
TRƯỜNG BỆNH
TÂN
TỐ TỤNG
TUẤT
QUAN TƯỚC
CÀN
QUAN QUÝ
HỢI
TỰ ĐIẾU
NHÂM
BẮC
ĐÔNG BẮC
ĐÔNG
ĐÔNG NAM
NAM
TÂY NAM
TÂY
TÂY BẮC
Nhâm/Tý/Quý(+Thủy+Thủy-Thủy)
(337.5° - 352.5° - 7.5° - 22.5°)
Đen,xanh dương/ Trắng,bạc
tai,máu,thận
Quan Lộc/ Trung nam(16-30T)
PHỤC VỊ
Tả Bồ
Mộc
Thủy(-)
KHẢM
1
Sửu Cấn/Dần(-Thổ+Thổ-Mộc)
(22.5° - 37.5° - 52.5° - 67.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Ngón tay,xương,mũi,lưng
Học thức/Thiếu nam < 15T
NGŨ QUỶ(4)
Liêm Trinh
Hỏa
Thổ(-)
CẤN
8
Giáp/Mão/Ất(+Mộc - Mộc - Mộc)
(67.5° - 82.5° - 97.5° - 112.5°)
Xanh lục,nâu/Đen,xanh dương
Chân,gan,tóc,âm thanh
Gia Đạo/Trưởng nam (31-45T)
THIÊN Y
Cự Môn
Thổ
Mộc(+)
CHẤN
3
Thìn,Tốn,Tỵ(+Thổ-Mộc-Hỏa)
(112.5° - 127.5° - 142.5° - 157.5°)
Xanh lục nhạt/Xanh nhạt
Cánh tay,đùi,khí,phong tật
Tài Lộc/Trưởng nữ(31-45T)
SANH KHÍ
Tham Lang
Mộc
Mộc(-)
TỐN
4
Bính,Ngọ/Đinh(+Hỏa+Hỏa-hỏa)
(157.5° - 172.5° - 187.5° - 202.5°)
Đỏ,da cam/Vàng,xanh lục
Mắt,tim,thượng tiêu
Danh Vọng/Trung nữ(16-30T)
DIÊN NIÊN
Vũ Khúc
Kim
Hỏa(+)
LY
9
Mùi/Khôn/Thân(-Thổ-Thổ+Kim)
(202.5° - 217.5° - 235.5° - 247.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Bụng,lá lách,thịt,dạ dày
Tình Duyên/Mẹ,cụ bà
TUYỆT MỆNH(3)
Phá Quân
Kim
Thổ(+)
KHÔN
2
Canh/Dậu/Tân(+Kim-Kim-Kim)
(247.5° - 262.5° - 277.5° - 292.5°)
Trắng,xám/Bạc,vàng
Lưỡi,miệng,hầu,phổi,đờm,nước bọt
Tử Tức/ Thiếu nữ < 15T
HỌA HẠI(9)
Lộc Tồn
Thổ
Kim(-)
ĐOÀI
7
Tuất/Càn/Hợi(+Thổ+Kim-Thủy)
(292.5° - 307.5° - 322.5° - 337.5°)
Trắng,bạc/Xám,vàng
Đầu,xương,phổi
Quý Nhân/Cha,cụ ông
LỤC SÁT(9)
Văn Khúc
Thủy
Kim(+)
CÀN
6

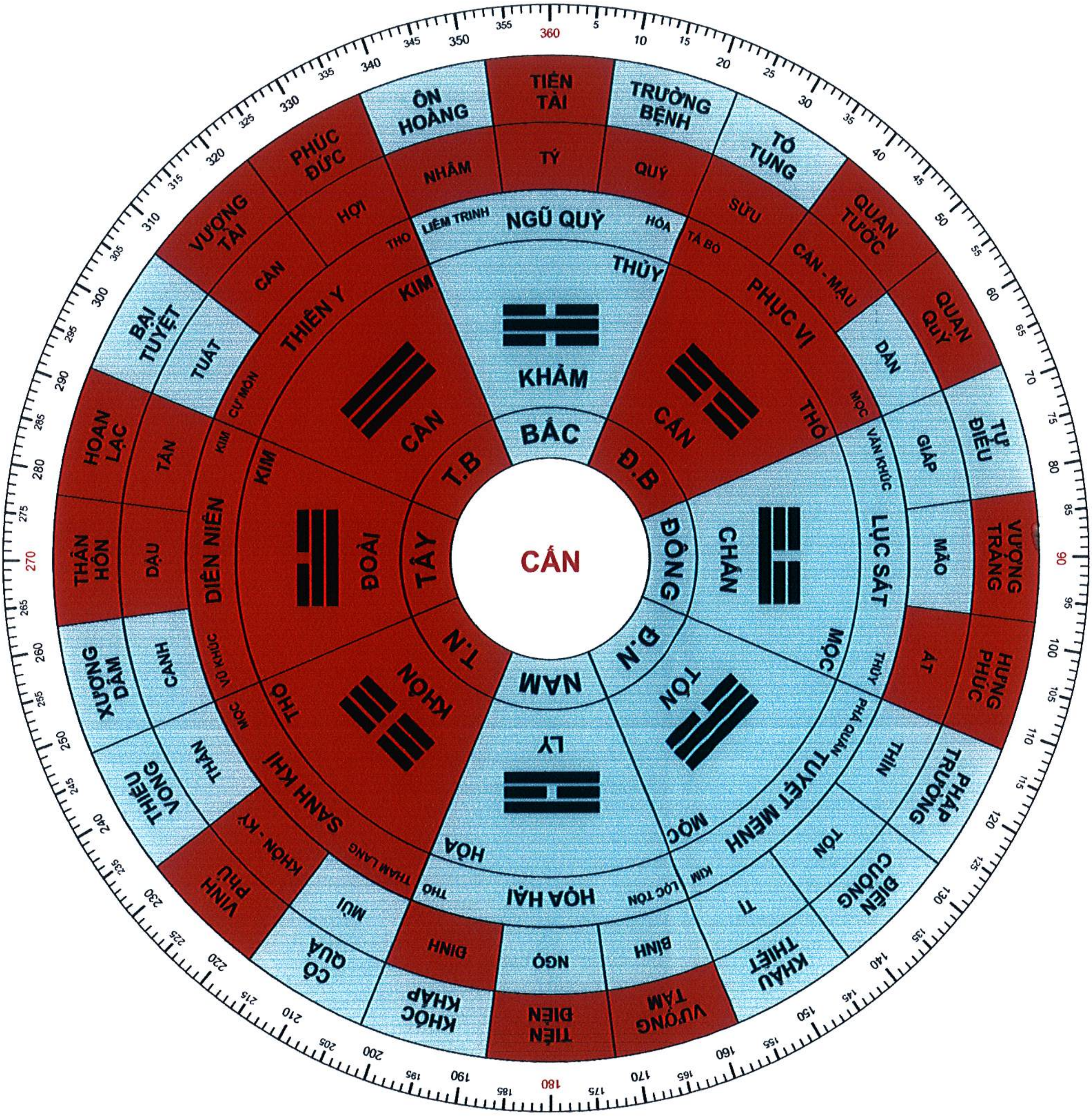
CẤN
BẮC
Đ.B
ĐÔNG
Đ.N
NAM
T.N
TÂY
T.B
KHẢM
CẤN
CHẤN
TỐN
LY
KHÔN
ĐOÀI
CÀN
THỦY
THỔ
MỘC
MỘC
HỎA
THỔ
KIM
KIM
NGŨ QUỶ
PHỤC VỊ
LỤC SÁT
TUYỆT MỆNH
HỌA HẠI
SANH KHÍ
DIÊN NIÊN
THIÊN Y
LIÊM TRINH
HỎA
TẢ BỒ
MỘC
VĂN KHÚC
THỦY
PHÁ QUÂN
KIM
LỘC TỒN
THỔ
THAM LANG
MỘC
VŨ KHÚC
KIM
CỰ MÔN
THỔ
TÝ
QUÝ
SỬU
CẤN - MẬU
DẦN
GIÁP
MÃO
ẤT
THÌN
TỐN
TỴ
BÍNH
NGỌ
ĐINH
MÙI
KHÔN - KỶ
THÂN
CANH
DẬU
TÂN
TUẤT
CÀN
HỢI
NHÂM
TIẾN TÀI
TRƯỜNG BỆNH
TỐ TỤNG
QUAN TƯỚC
QUAN QUÝ
TỰ ĐIỀU
VƯỢNG TRANG
HƯNG PHÚC
PHÁP TRƯỜNG
ĐIÊN CUỒNG
KHẨU THIỆT
VƯỢNG TẰM
TIẾN ĐIỀN
KHỐC KHẤP
CÔ QUẢ
VINH PHÚ
THIẾU VONG
XƯỚNG DÂM
THÂN HÔN
HOAN LẠC
BẠI TUYỆT
VƯỢNG TÀI
PHÚC ĐỨC
ÔN HOÀNG
360
5
10
15
20
25
30
35
40
45
50
55
60
65
70
75
80
85
90
95
100
105
110
115
120
125
130
135
140
145
150
155
160
165
170
175
180
185
190
195
200
205
210
215
220
225
230
235
240
245
250
255
260
265
270
275
280
285
290
295
300
305
310
315
320
325
330
335
340
345
350
355

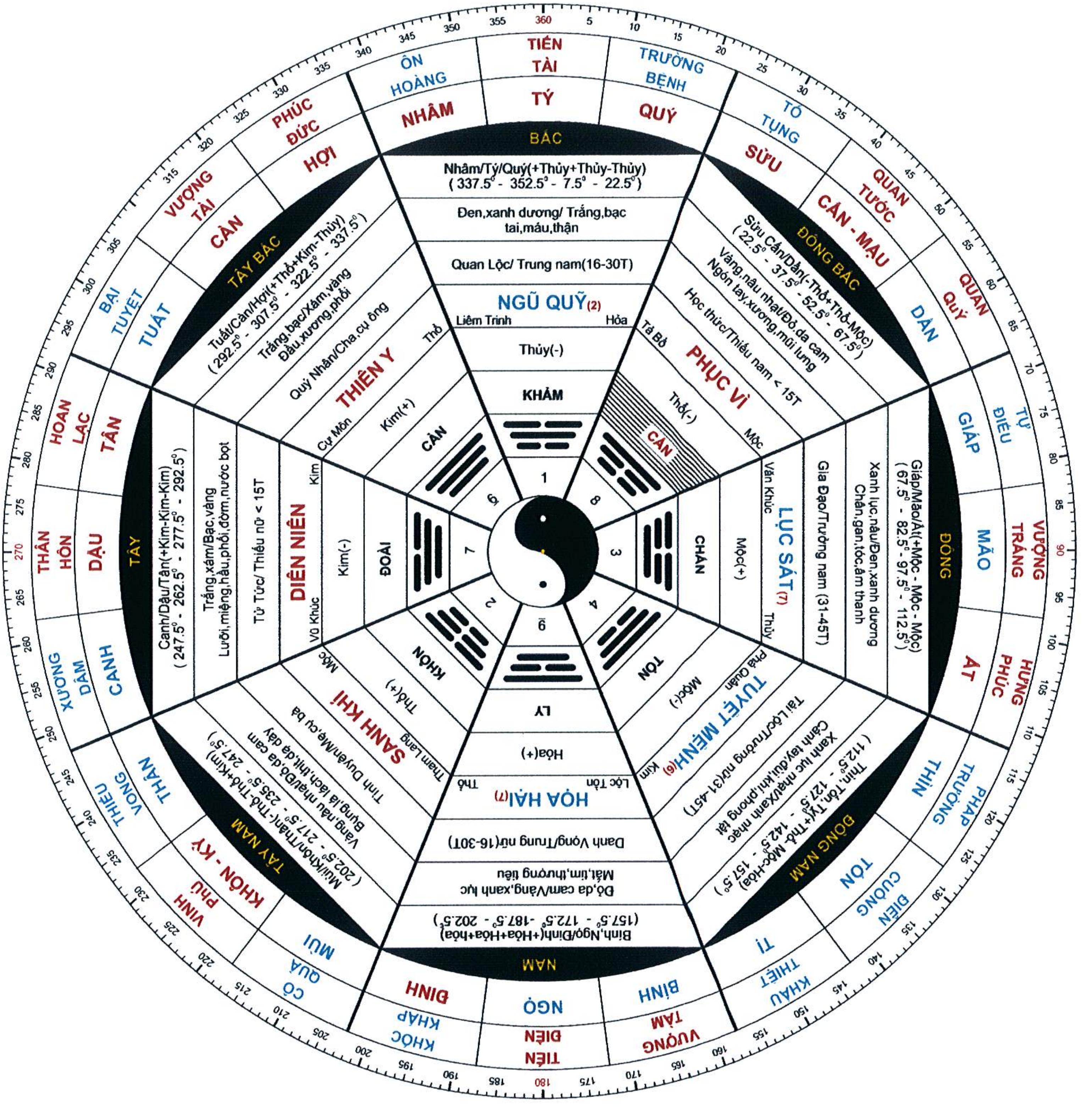
360
5
10
15
20
25
30
35
40
45
50
55
60
65
70
75
80
85
90
95
100
105
110
115
120
125
130
135
140
145
150
155
160
165
170
175
180
185
190
195
200
205
210
215
220
225
230
235
240
245
250
255
260
265
270
275
280
285
290
295
300
305
310
315
320
325
330
335
340
345
350
355
TIẾN TÀI
TRƯỜNG BỆNH
TỐ TỤNG
QUAN TƯỚC
QUAN QUÝ
TỰ ĐIẾU
VƯỢNG TRÁNG
HƯNG PHÚC
PHÁP TRƯỜNG
ĐIÊN CUỒNG
THIẾT KHẨU
VƯỢNG TẰM
TIẾN ĐIỀN
KHỐC KHẤP
CÔ QUẢ
VINH PHÚ
THIẾU VONG
XƯƠNG DÂM
THẦN HỒN
HOAN LẠC
BẠI TUYỆT
VƯỢNG TÀI
PHÚC ĐỨC
ÔN HOÀNG
TÝ
QUÝ
SỬU
CẤN - MẬU
DẦN
GIÁP
MÃO
ẤT
THÌN
TỐN
TỊ
BÍNH
NGỌ
ĐINH
MÙI
KHÔN - KỶ
THÂN
CANH
DẬU
TÂN
TUẤT
CÀN
HỢI
NHÂM
BẮC
ĐÔNG BẮC
ĐÔNG
ĐÔNG NAM
NAM
TÂY NAM
TÂY
TÂY BẮC
Nhâm/Tý/Quý(+Thủy+Thủy-Thủy)
(337.5° - 352.5° - 7.5° - 22.5°)
Đen,xanh dương/ Trắng,bạc
tai,máu,thận
Quan Lộc/ Trung nam(16-30T)
NGŨ QUỶ(2)
Liêm Trinh
Hỏa
Thủy(-)
KHẢM
1
Sửu Cấn/Dần(-Thổ+Thổ-Mộc)
(22.5° - 37.5° - 52.5° - 67.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Ngón tay,xương,mũi,lưng
Học thức/Thiếu nam < 15T
PHỤC VỊ
Tả Bồ
Thổ(-)
CẤN
Mộc
8
Giáp/Mão/Ất(+Mộc - Mộc - Mộc)
(67.5° - 82.5° - 97.5° - 112.5°)
Xanh lục,nâu/Đen,xanh dương
Chân,gan,tóc,âm thanh
Gia Đạo/Trưởng nam (31-45T)
LỤC SÁT(7)
Văn Khúc
Thủy
Mộc(+)
CHẤN
3
Thìn,Tốn,Tỵ(+Thổ-Mộc-Hỏa)
(112.5° - 127.5° - 142.5° - 157.5°)
Xanh lục nhạt/Xanh nhạt
Cánh tay,đùi,khí,phong tật
Tài Lộc/Trưởng nữ(31-45T)
TUYỆT MỆNH(6)
Phá Quân
Kim
Mộc(-)
TỐN
4
Bính,Ngọ/Đinh(+Hỏa+Hỏa-hỏa)
(157.5° - 172.5° -187.5° - 202.5°)
Đỏ,da cam/Vàng,xanh lục
Mắt,tim,thượng tiêu
Danh Vọng/Trung nữ(16-30T)
HỌA HẠI(7)
Lộc Tồn
Thổ
Hỏa(+)
LY
9
Mùi/Khôn/Thân(-Thổ-Thổ+Kim)
(202.5° - 217.5° - 235.5° - 247.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Bụng,lá lách,thịt,dạ dày
Tình Duyên/Mẹ,cụ bà
SANH KHÍ
Tham Lang
Mộc
Thổ(+)
KHÔN
2
Canh/Dậu/Tân(+Kim-Kim-Kim)
(247.5° - 262.5° - 277.5° - 292.5°)
Trắng,xám/Bạc,vàng
Lưỡi,miệng,hầu,phổi,đờm,nước bọt
Tử Tức/ Thiếu nữ < 15T
DIÊN NIÊN
Kim
Vũ Khúc
Kim(-)
ĐOÀI
7
Tuất/Càn/Hợi(+Thổ+Kim-Thủy)
(292.5° - 307.5° - 322.5° - 337.5°)
Trắng,bạc/Xám,vàng
Đầu,xương,phổi
Quý Nhân/Cha,cụ ông
THIÊN Y
Thổ
Cự Môn
Kim(+)
CÀN
6

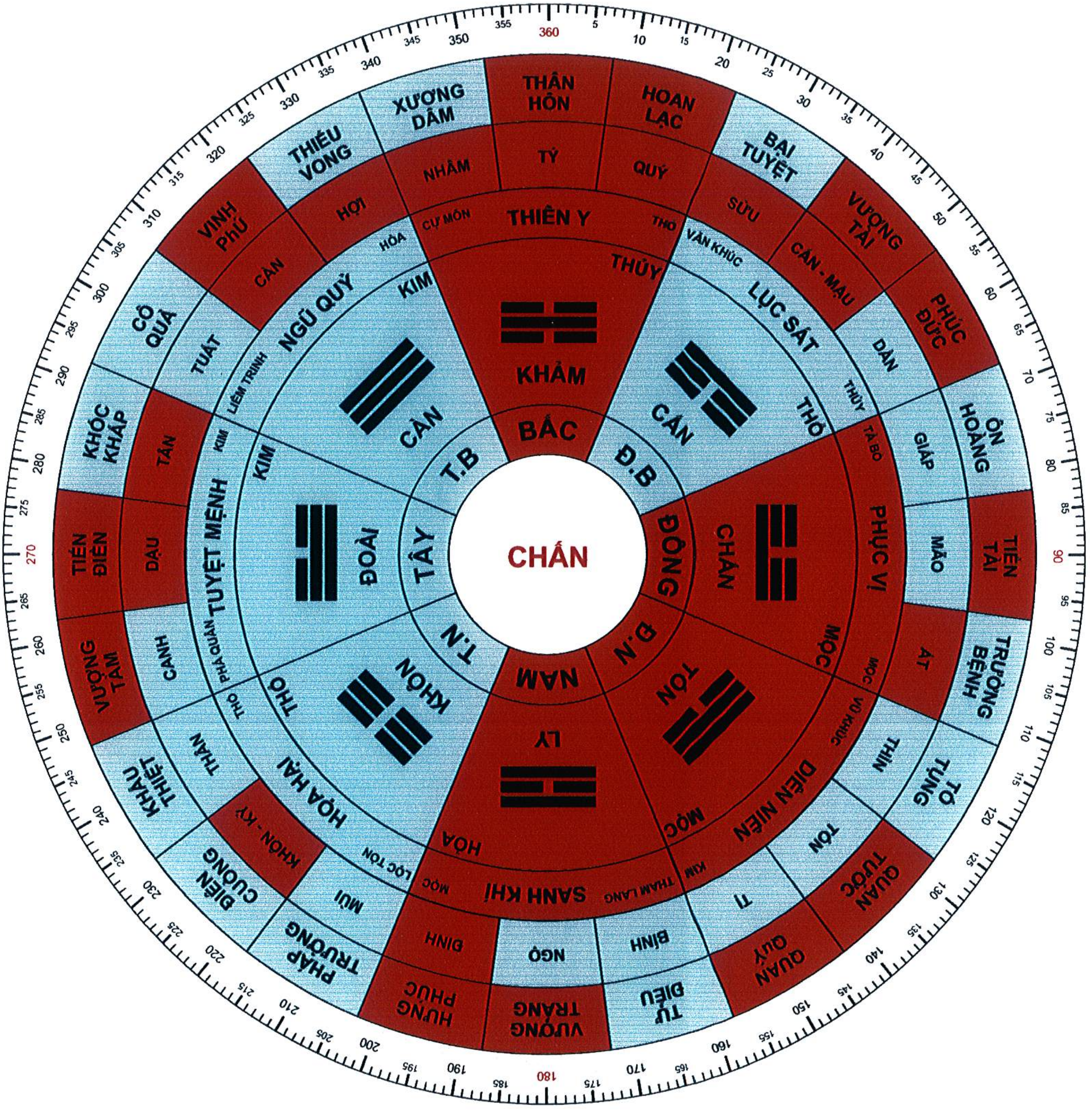
CHẤN
BẮC
Đ.B
ĐÔNG
Đ.N
NAM
T.N
TÂY
T.B
KHẢM
THỦY
CẤN
THỔ
CHẤN
MỘC
TỐN
MỘC
LY
HỎA
KHÔN
THỔ
ĐOÀI
KIM
CÀN
KIM
THIÊN Y
CỰ MÔN
THỔ
LỤC SÁT
VĂN KHÚC
THỦY
PHỤC VỊ
TẢ BỘ
MỘC
DIÊN NIÊN
VŨ KHÚC
KIM
SANH KHÍ
THAM LANG
MỘC
HỌA HẠI
LỘC TỒN
THỔ
TUYỆT MỆNH
PHÁ QUÂN
KIM
NGŨ QUỶ
LIÊM TRINH
HỎA
NHÂM
TÝ
QUÝ
SỬU
CẤN - MẬU
DẦN
GIÁP
MÃO
ẤT
THÌN
TỐN
TỴ
BÍNH
NGỌ
ĐINH
MÙI
KHÔN - KỶ
THÂN
CANH
DẬU
TÂN
TUẤT
CÀN
HỢI
THÂN HÔN
HOAN LẠC
BẠI TUYỆT
VƯỢNG TÀI
PHÚC ĐỨC
ÔN HOÀNG
TIẾN TÀI
TRƯỜNG BỆNH
TỐ TỤNG
QUAN TƯỚC
QUAN QUÝ
TỰ ĐIẾU
VƯỢNG TRANG
HƯNG PHÚC
PHÁP TRƯỜNG
ĐIÊN CUỒNG
KHẨU THIỆT
VƯỢNG TÀM
TIẾN ĐIỀN
KHỐC KHẤP
CÔ QUẢ
VINH PHÚ
THIẾU VONG
XƯƠNG DÂM
360
5
10
15
20
25
30
35
40
45
50
55
60
65
70
75
80
85
90
95
100
105
110
115
120
125
130
135
140
145
150
155
160
165
170
175
180
185
190
195
200
205
210
215
220
225
230
235
240
245
250
255
260
265
270
275
280
285
290
295
300
305
310
315
320
325
330
335
340
345
350
355

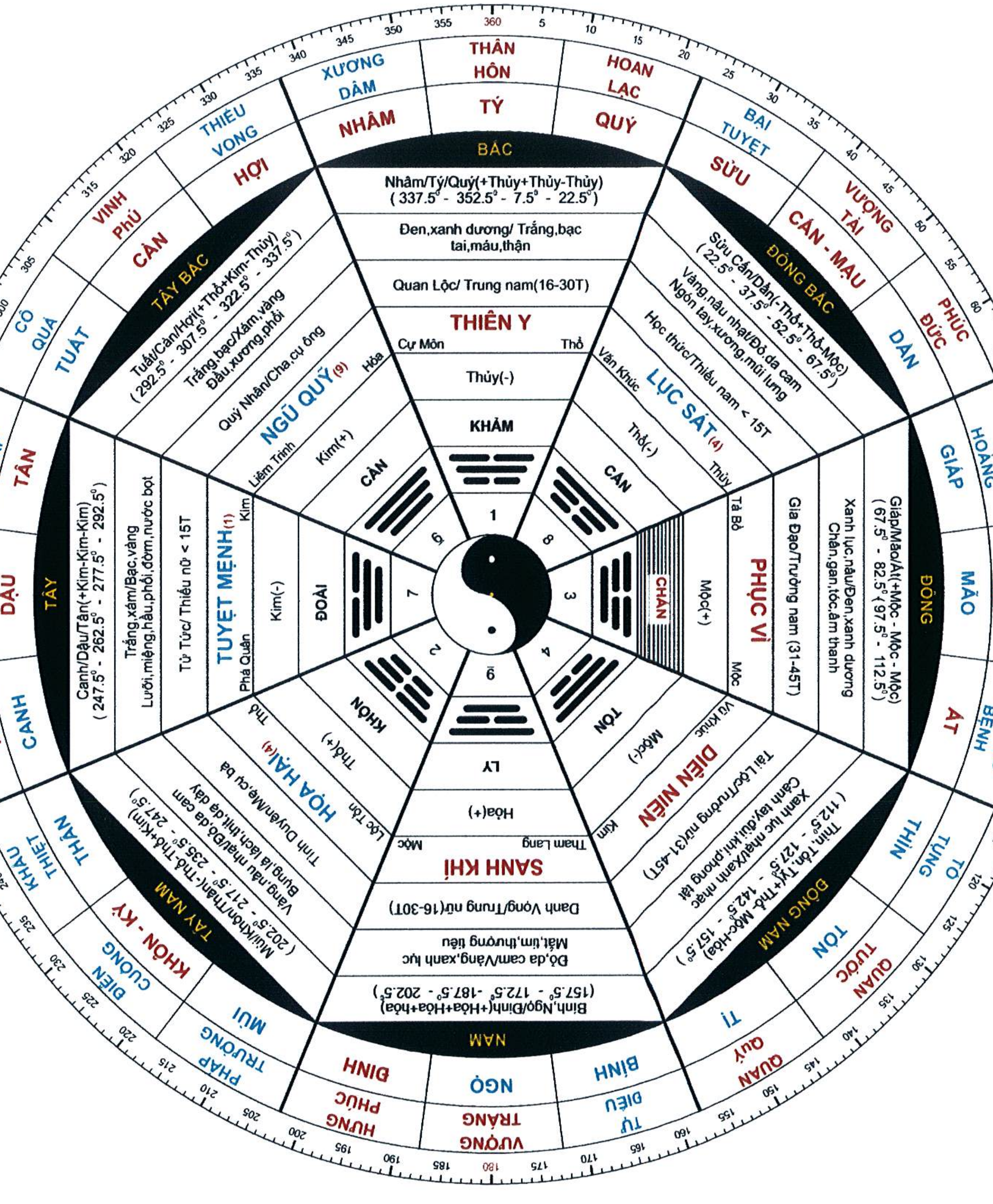
360
5 10 15 20 25 30 35 40 45 50 55 60 65 70 75 80 85 90 95 100 105 110 115 120 125 130 135 140 145 150 155 160 165 170 175 180 185 190 195 200 205 210 215 220 225 230 235 240 245 250 255 260 265 270 275 280 285 290 295 300 305 310 315 320 325 330 335 340 345 350 355
XƯƠNG DÂM
NHÂM
THÂN HÔN
TÝ
HOAN LẠC
QUÝ
BẠI TUYỆT
SỬU
VƯỢNG TÀI
CẤN - MẬU
PHÚC ĐỨC
DẦN
ÔN HOÀNG
GIÁP
TIẾN TÀI
MÃO
TRƯỜNG BỆNH
ẤT
TỐ TỤNG
THÌN
QUAN TƯỚC
TỐN
QUAN QUÝ
TỊ
TỰ ĐIẾU
BÍNH
VƯỢNG TRANG
NGỌ
HƯNG PHÚC
ĐINH
PHÁP TRƯỜNG
MÙI
ĐIÊN CUỒNG
KHÔN - KỶ
KHẨU THIỆT
THÂN
VƯỢNG TÀM
CANH
TIẾN ĐIỀN
DẬU
KHỐC KHẤP
TÂN
CÔ QUẢ
TUẤT
VINH PHÚ
CÀN
THIẾU VONG
HỢI
BẮC
ĐÔNG BẮC
ĐÔNG
ĐÔNG NAM
NAM
TÂY NAM
TÂY
TÂY BẮC
Nhâm/Tý/Quý(+Thủy+Thủy-Thủy) (337.5° - 352.5° - 7.5° - 22.5°)
Đen,xanh dương/ Trắng,bạc tai,máu,thận
Quan Lộc/ Trung nam(16-30T)
THIÊN Y
Cự Môn
Thổ
Thủy(-)
KHẢM
1
Sửu Cấn/Dần(-Thổ+Thổ-Mộc) (22.5° - 37.5° - 52.5° - 67.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam Ngón tay,xương,mũi lưng
Học thức/Thiếu nam < 15T
LỤC SÁT(4)
Văn Khúc
Thủy
Thổ(-)
CẤN
8
Giáp/Mão/Ất(+Mộc - Mộc - Mộc) (67.5° - 82.5° (97.5° - 112.5°)
Xanh lục,nâu/Đen,xanh dương Chân,gan,tóc,âm thanh
Gia Đạo/Trưởng nam (31-45T)
PHỤC VỊ
Tả Bồ
Mộc
Mộc(+)
CHẤN
3
Thìn,Tốn,Tỵ(+Thổ-Mộc-Hỏa) (112.5° - 127.5° - 142.5° - 157.5°)
Xanh lục nhạt/Xanh nhạt Cánh tay,đùi,khí,phong tật
Tài Lộc/Trưởng nữ(31-45T)
DIÊN NIÊN
Vũ Khúc
Kim
Mộc(-)
TỐN
4
Bính,Ngọ/Đinh(+Hỏa+Hỏa+hỏa) (157.5° - 172.5° -187.5° - 202.5°)
Đỏ,da cam/Vàng,xanh lục Mắt,tim,thượng tiêu
Danh Vọng/Trung nữ(16-30T)
SANH KHÍ
Tham Lang
Mộc
Hỏa(+)
LY
9
Mùi/Khôn/Thân(-Thổ-Thổ+Kim) (202.5° - 217.5° - 235.5° - 247.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam Bụng,lá lách,thịt,dạ dày
Tình Duyên/Mẹ,cụ bà
HỌA HẠI(4)
Lộc Tồn
Thổ
Thổ(+)
KHÔN
2
Canh/Dậu/Tân(+Kim-Kim-Kim) (247.5° - 262.5° - 277.5° - 292.5°)
Trắng,xám/Bạc,vàng Lưỡi,miệng,hầu,phổi,đờm,nước bọt
Tử Tức/ Thiếu nữ < 15T
TUYỆT MỆNH(1)
Phá Quân
Kim
Kim(-)
ĐOÀI
7
Tuất/Càn/Hợi(+Thổ+Kim-Thủy) (292.5° - 307.5° - 322.5° - 337.5°)
Trắng,bạc/Xám,vàng Đầu,xương,phổi
Quý Nhân/Cha,cụ ông
NGŨ QUỶ(9)
Liêm Trinh
Hỏa
Kim(+)
CÀN
6

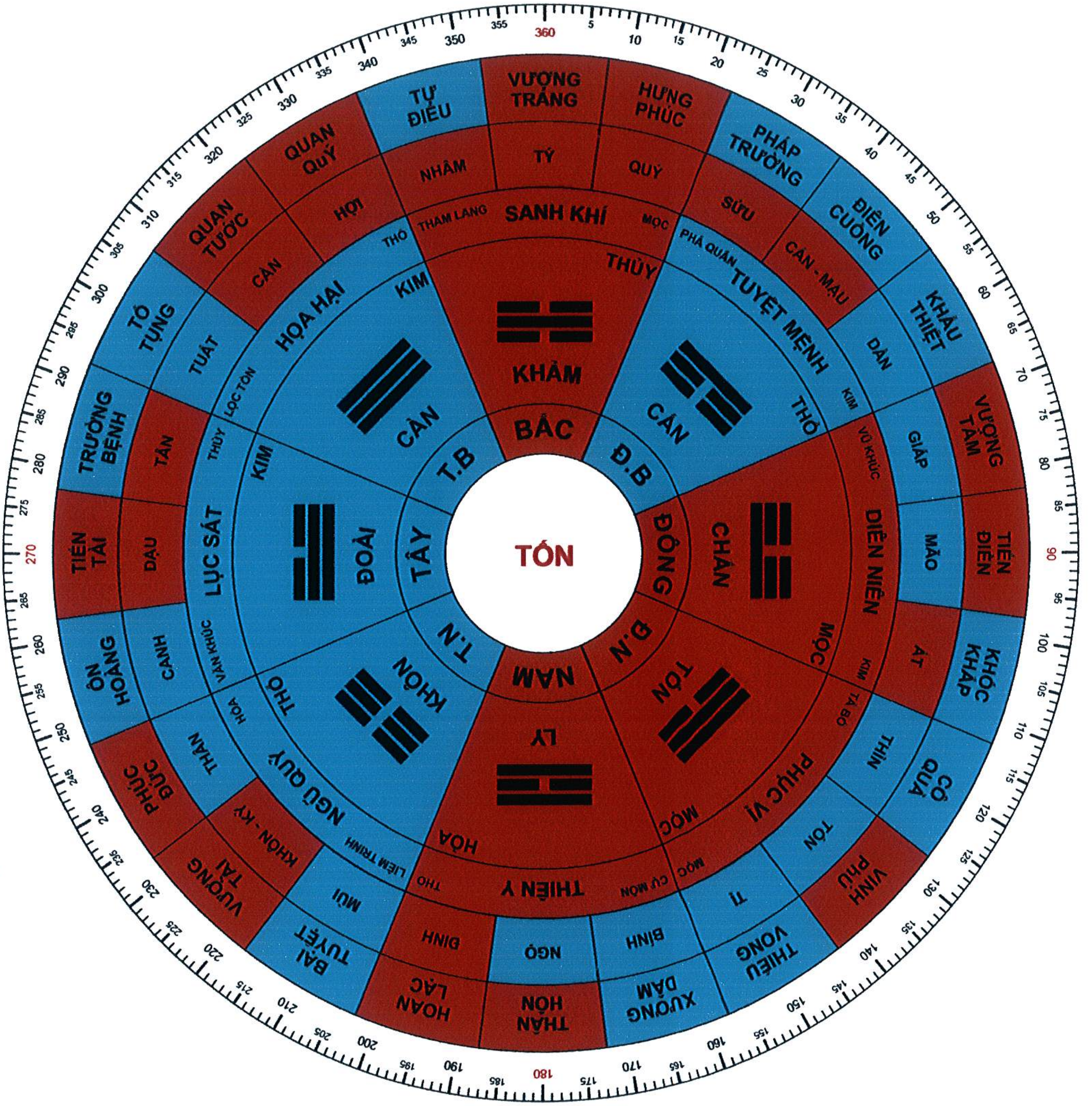TÓN
BẮC
Đ.B
ĐÔNG
Đ.N
NAM
T.N
TÂY
T.B
KHẢM
THỦY
CẤN
THỔ
CHẤN
MỘC
TỐN
MỘC
LY
HỎA
KHÔN
THỔ
ĐOÀI
KIM
CÀN
KIM
SANH KHÍ
THAM LANG
MỘC
TUYỆT MỆNH
PHÁ QUÂN
KIM
DIÊN NIÊN
VŨ KHÚC
KIM
PHỤC VỊ
TẢ BỒ
MỘC
THIÊN Y
CỰ MÔN
THỔ
NGŨ QUỶ
LIÊM TRINH
HỎA
LỤC SÁT
VĂN KHÚC
THỦY
HỌA HẠI
LỘC TỒN
THỔ
TÝ
QUÝ
SỬU
CẤN - MẬU
DẦN
GIÁP
MÃO
ẤT
THÌN
TỐN
TỊ
BÍNH
NGỌ
ĐINH
MÙI
KHÔN - KỶ
THÂN
CANH
DẬU
TÂN
TUẤT
CÀN
HỢI
NHÂM
VƯỢNG TRÁNG
HƯNG PHÚC
PHÁP TRƯỜNG
ĐIÊN CUỒNG
KHẨU THIỆT
VƯỢNG TÀM
TIẾN ĐIỀN
KHỐC KHẤP
CÔ QUẢ
VINH PHÚ
THIẾU VONG
XƯƠNG DÂM
THÂN HÔN
HOAN LẠC
BẠI TUYỆT
VƯỢNG TÀI
PHÚC ĐỨC
ÔN HOÀNG
TIẾN TÀI
TRƯỜNG BỆNH
TỐ TỤNG
QUAN TƯỚC
QUAN QUÝ
TỰ ĐIẾU
360
5
10
15
20
25
30
35
40
45
50
55
60
65
70
75
80
85
90
95
100
105
110
115
120
125
130
135
140
145
150
155
160
165
170
175
180
185
190
195
200
205
210
215
220
225
230
235
240
245
250
255
260
265
270
275
280
285
290
295
300
305
310
315
320
325
330
335
340
345
350
355

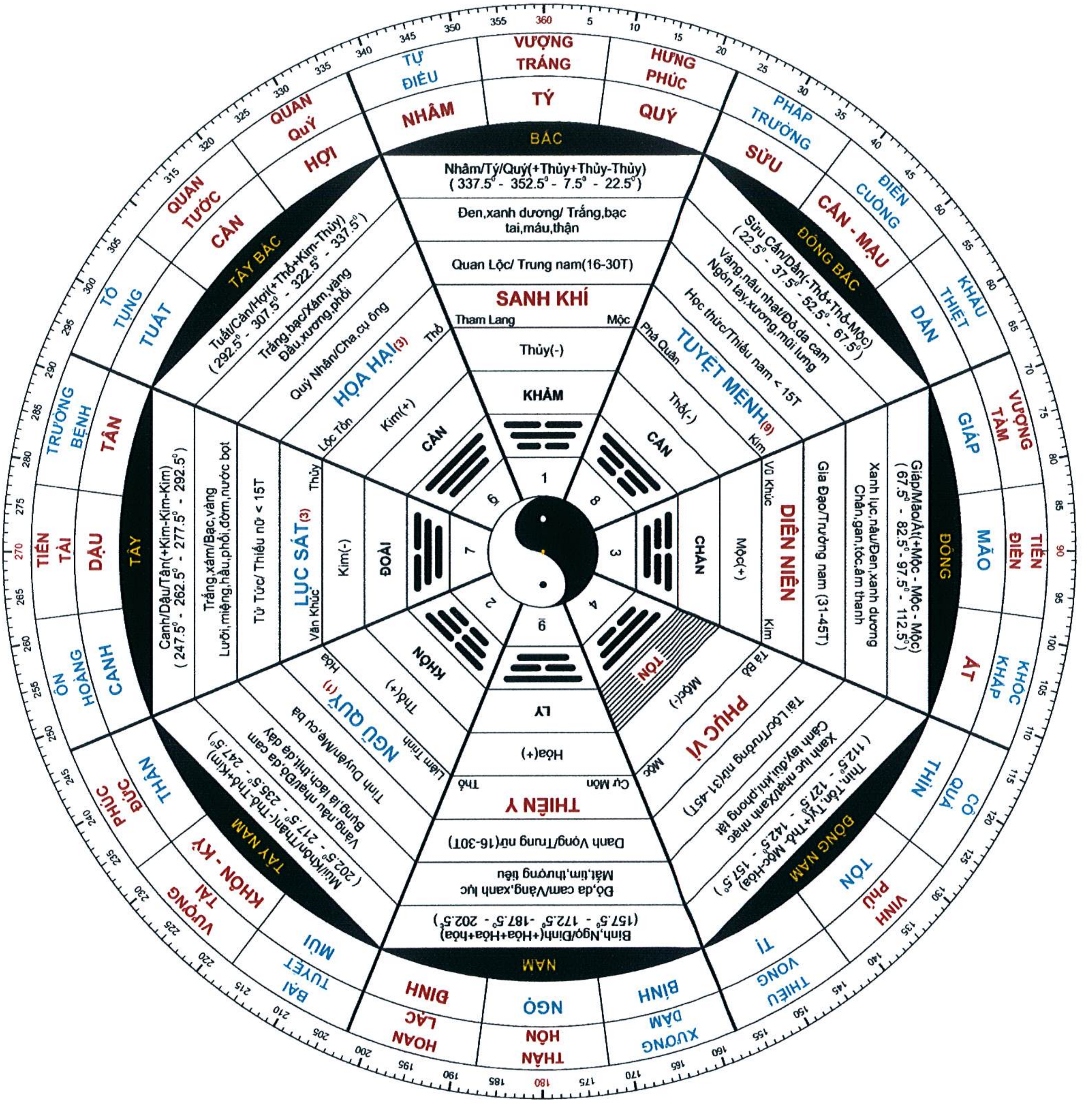
360 5 10 15 20 25 30 35 40 45 50 55 60 65 70 75 80 85 90 95 100 105 110 115 120 125 130 135 140 145 150 155 160 165 170 175 180 185 190 195 200 205 210 215 220 225 230 235 240 245 250 255 260 265 270 275 280 285 290 295 300 305 310 315 320 325 330 335 340 345 350 355
VƯỢNG
TRÁNG
HƯNG
PHÚC
TỰ
ĐIỀU
NHÂM
TÝ
QUÝ
BẮC
Nhâm/Tý/Quý(+Thủy+Thủy-Thủy)
(337.5° - 352.5° - 7.5° - 22.5°)
Đen,xanh dương/ Trắng,bạc
tai,máu,thận
Quan Lộc/ Trung nam(16-30T)
SANH KHÍ
Tham Lang
Mộc
Thủy(-)
KHẢM
1
PHÁP
TRƯỜNG
SỬU
ĐIÊN
CUỒNG
CẤN - MẬU
ĐÔNG BẮC
DẦN
KHẨU
THIỆT
Sửu Cấn/Dần(-Thổ+Thổ-Mộc)
(22.5° - 37.5° - 52.5° - 67.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Ngón tay,xương,mũi lưng
Học thức/Thiếu nam < 15T
TUYỆT MỆNH(9)
Phá Quân
Kim
Thổ(-)
CẤN
8
QUAN
QUÝ
HỢI
QUAN
TƯỚC
CÀN
TÂY BẮC
TỐ
TỤNG
TUẤT
Tuất/Càn/Hợi(+Thổ+Kim-Thủy)
(292.5° - 307.5° - 322.5° - 337.5°)
Trắng,bạc/Xám,vàng
Đầu,xương,phổi
Quý Nhân/Cha,cụ ông
HỌA HẠI(3)
Thổ
Lộc Tồn
Kim(+)
CÀN
6
TRƯỜNG
BỆNH
TÂN
TIẾN
TÀI
DẬU
TÂY
ÔN
HOÀNG
CANH
Canh/Dậu/Tân(+Kim-Kim-Kim)
(247.5° - 262.5° - 277.5° - 292.5°)
Trắng,xám/Bạc,vàng
Lưỡi,miệng,hầu,phổi,đờm,nước bọt
Tử Tức/ Thiếu nữ < 15T
LỤC SÁT(3)
Thủy
Văn Khúc
Kim(-)
ĐOÀI
7
VƯỢNG
TÂM
GIÁP
TIẾN
ĐIỀN
MÃO
ĐÔNG
KHỐC
KHẤP
ẤT
Giáp/Mão/Ất(+Mộc - Mộc - Mộc)
(67.5° - 82.5° - 97.5° - 112.5°)
Xanh lục,nâu/Đen,xanh dương
Chân,gan,tóc,âm thanh
Gia Đạo/Trưởng nam (31-45T)
DIÊN NIÊN
Vũ Khúc
Kim
Mộc(+)
CHẤN
3
PHÚC
ĐỨC
THÂN
VƯỢNG
TÀI
KHÔN - KỶ
TÂY NAM
BẠI
TUYỆT
MÙI
Mùi/Khôn/Thân(-Thổ-Thổ+Kim)
(202.5° - 217.5° - 235.5° - 247.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Bụng,lá lách,thịt,da dầy
Tình Duyên/Mẹ,cụ bà
NGŨ QUỶ(1)
Hỏa
Liêm Trinh
Thổ(+)
KHÔN
2
HOAN
LẠC
ĐINH
THẦN
HỒN
NGỌ
NAM
XƯƠNG
DÂM
BÍNH
Bính,Ngọ/Đinh(+Hỏa+Hỏa+hỏa)
(157.5° - 172.5° -187.5° - 202.5°)
Đỏ,da cam/Vàng,xanh lục
Mắt,tim,thượng tiêu
Danh Vọng/Trung nữ(16-30T)
THIÊN Y
Thổ
Cự Môn
Hỏa(+)
LY
9
CÔ
QUẢ
THÌN
VINH
PHÚ
TỐN
ĐÔNG NAM
THIẾU
VONG
TỊ
Thìn,Tốn,Tỵ(+Thổ-Mộc-Hỏa)
(112.5° - 127.5° - 142.5° - 157.5°)
Xanh lục nhạt/Xanh nhạc
Cánh tay,đùi,khí,phong tật
Tài Lộc/Trưởng nữ(31-45T)
PHỤC VỊ
Mộc
Tả Bồ
Mộc(-)
TỐN
4

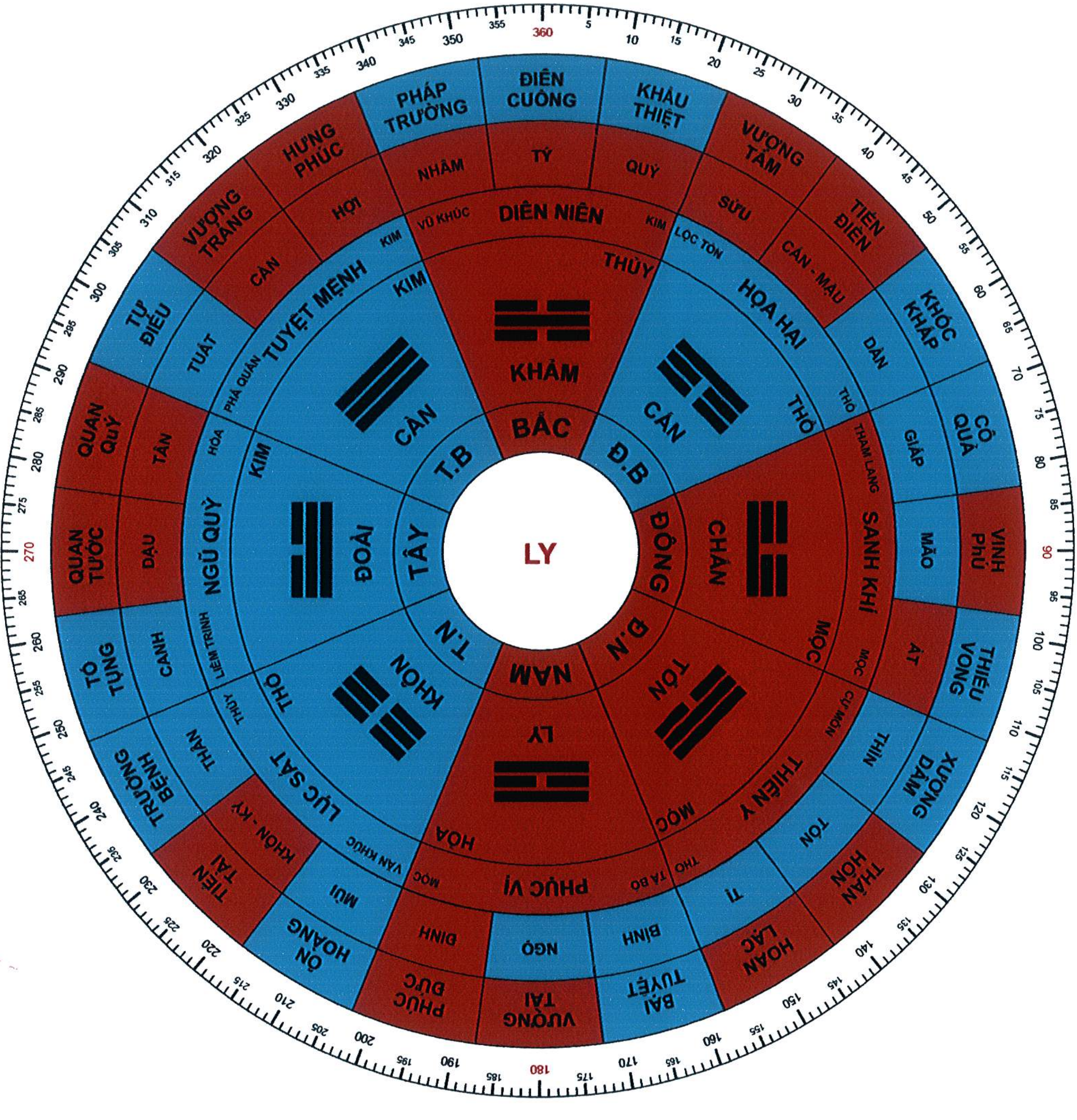
LY
BẮC
Đ.B
ĐÔNG
Đ.N
NAM
T.N
TÂY
T.B
KHẢM
CẤN
CHẤN
TỐN
LY
KHÔN
ĐOÀI
CÀN
THỦY
THỔ
MỘC
MỘC
HỎA
THỔ
KIM
KIM
DIÊN NIÊN
HỌA HẠI
SANH KHÍ
THIÊN Y
PHỤC VỊ
LỤC SÁT
NGŨ QUỶ
TUYỆT MỆNH
VŨ KHÚC
KIM
LỘC TỒN
THỔ
THAM LANG
MỘC
CỰ MÔN
MỘC
TẢ BỔ
THỔ
VĂN KHÚC
MỘC
THỦY
LIÊM TRINH
HỎA
PHÁ QUÂN
KIM
NHÂM
TÝ
QUÝ
SỬU
CẤN - MẬU
DẦN
GIÁP
MÃO
ẤT
THÌN
TỐN
TỊ
BÍNH
NGỌ
ĐINH
MÙI
KHÔN - KỶ
THÂN
CANH
DẬU
TÂN
TUẤT
CÀN
HỢI
ĐIÊN CUỒNG
KHẨU THIỆT
VƯỢNG TẦM
TIẾN ĐIỀN
KHÓC KHẤP
CÔ QUẢ
VINH PHÚ
THIẾU VONG
XƯƠNG DÂM
THÂN HÔN
HOAN LẠC
BẠI TUYỆT
VƯỢNG TÀI
PHÚC ĐỨC
ÔN HOÀNG
TIẾN TÀI
TRƯỜNG BỆNH
TỐ TỤNG
QUAN TƯỚC
QUAN QUÝ
TỰ ĐIỀU
VƯỢNG TRANG
HƯNG PHÚC
PHÁP TRƯỜNG
360
5
10
15
20
25
30
35
40
45
50
55
60
65
70
75
80
85
90
95
100
105
110
115
120
125
130
135
140
145
150
155
160
165
170
175
180
185
190
195
200
205
210
215
220
225
230
235
240
245
250
255
260
265
270
275
280
285
290
295
300
305
310
315
320
325
330
335
340
345
350
355

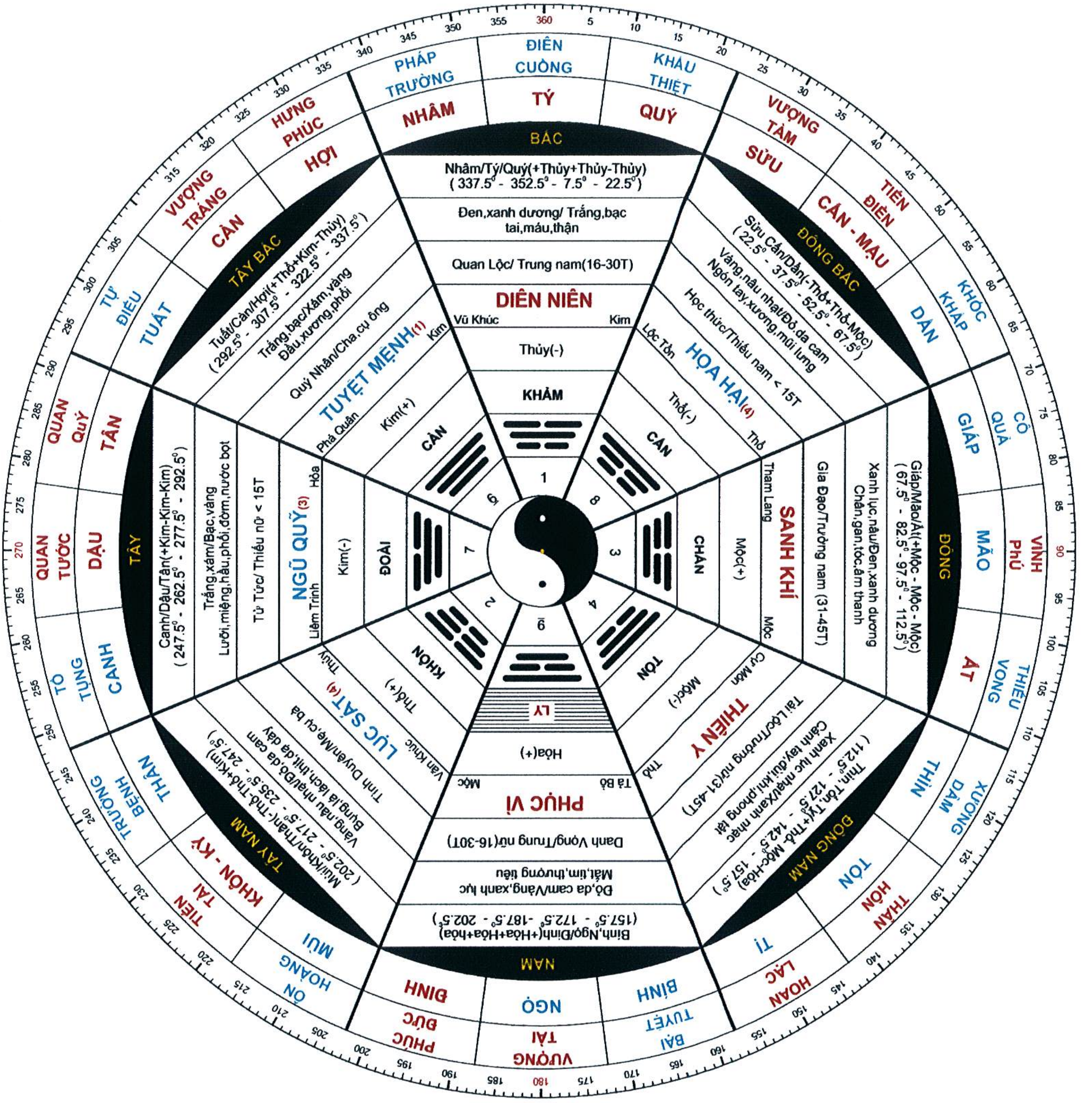
360
5
10
15
20
25
30
35
40
45
50
55
60
65
70
75
80
85
90
95
100
105
110
115
120
125
130
135
140
145
150
155
160
165
170
175
180
185
190
195
200
205
210
215
220
225
230
235
240
245
250
255
260
265
270
275
280
285
290
295
300
305
310
315
320
325
330
335
340
345
350
355
PHÁP TRƯỜNG
ĐIÊN CUỒNG
KHẨU THIỆT
NHÂM
TÝ
QUÝ
BẮC
Nhâm/Tý/Quý(+Thủy+Thủy-Thủy) (337.5° - 352.5° - 7.5° - 22.5°)
Đen,xanh dương/ Trắng,bạc tai,máu,thận
Quan Lộc/ Trung nam(16-30T)
DIÊN NIÊN
Vũ Khúc
Kim
Thủy(-)
KHẢM
1
VƯỢNG TÀM
SỬU
TIẾN ĐIỀN
CẤN - MẬU
KHỐC KHẤP
DẦN
ĐÔNG BẮC
Sửu Cấn/Dần(-Thổ+Thổ-Mộc) (22.5° - 37.5° - 52.5° - 67.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam Ngón tay,xương,mũi lưng
Học thức/Thiếu nam < 15T
HỌA HẠI(4)
Lộc Tồn
Thổ(-)
Thổ
CẤN
8
CÔ QUẢ
GIÁP
VINH PHÚ
MÃO
THIẾU VONG
ẤT
ĐÔNG
Giáp/Mão/Ất(+Mộc - Mộc - Mộc) (67.5° - 82.5° - 97.5° - 112.5°)
Xanh lục,nâu/Đen,xanh dương Chân,gan,tóc,âm thanh
Gia Đạo/Trưởng nam (31-45T)
SANH KHÍ
Tham Lang
Mộc
Mộc(+)
CHẤN
3
XƯƠNG DÂM
THÌN
THÂN HÔN
TỐN
HOAN LẠC
TỊ
ĐÔNG NAM
Thìn,Tốn,Tỵ(+Thổ-Mộc-Hỏa) (112.5° - 127.5° - 142.5° - 157.5°)
Xanh lục nhạt/Xanh nhạt Cánh tay,đùi,khí,phong tật
Tài Lộc/Trưởng nữ(31-45T)
THIÊN Y
Cự Môn
Thổ
Mộc(-)
TỐN
4
BẠI TUYỆT
BÍNH
VƯỢNG TÀI
NGỌ
PHÚC ĐỨC
ĐINH
NAM
Bính,Ngọ/Đinh(+Hỏa+Hỏa-hỏa) (157.5° - 172.5° -187.5° - 202.5°)
Đỏ,da cam/Vàng,xanh lục Mắt,tim,thượng tiêu
Danh Vọng/Trung nữ(16-30T)
PHỤC VỊ
Tả Bồ
Mộc
Hỏa(+)
LY
9
ÔN HOÀNG
MÙI
TIẾN TÀI
KHÔN - KỶ
TRƯỜNG BỆNH
THÂN
TÂY NAM
Mùi/Khôn/Thân(-Thổ-Thổ+Kim) (202.5° - 217.5° - 235.5° - 247.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam Bụng,lá lách,thịt,da dẻ
Tình Duyên/Mẹ,cụ bà
LỤC SÁT(4)
Văn Khúc
Thủy
Thổ(+)
KHÔN
2
TỐ TỤNG
CANH
QUAN TƯỚC
DẬU
QUAN QUÝ
TÂN
TÂY
Canh/Dậu/Tân(+Kim-Kim-Kim) (247.5° - 262.5° - 277.5° - 292.5°)
Trắng,xám/Bạc,vàng Lưỡi,miệng,hầu,phổi,đờm,nước bọt
Tử Tức/ Thiếu nữ < 15T
NGŨ QUỶ(3)
Liêm Trinh
Hỏa
Kim(-)
ĐOÀI
7
TỰ ĐIẾU
TUẤT
VƯỢNG TRÁNG
CÀN
HƯNG PHÚC
HỢI
TÂY BẮC
Tuất/Càn/Hợi(+Thổ+Kim-Thủy) (292.5° - 307.5° - 322.5° - 337.5°)
Trắng,bạc/Xám,vàng Đầu,xương,phổi
Quý Nhân/Cha,cụ ông
TUYỆT MỆNH(1)
Phá Quân
Kim
Kim(+)
CÀN
6

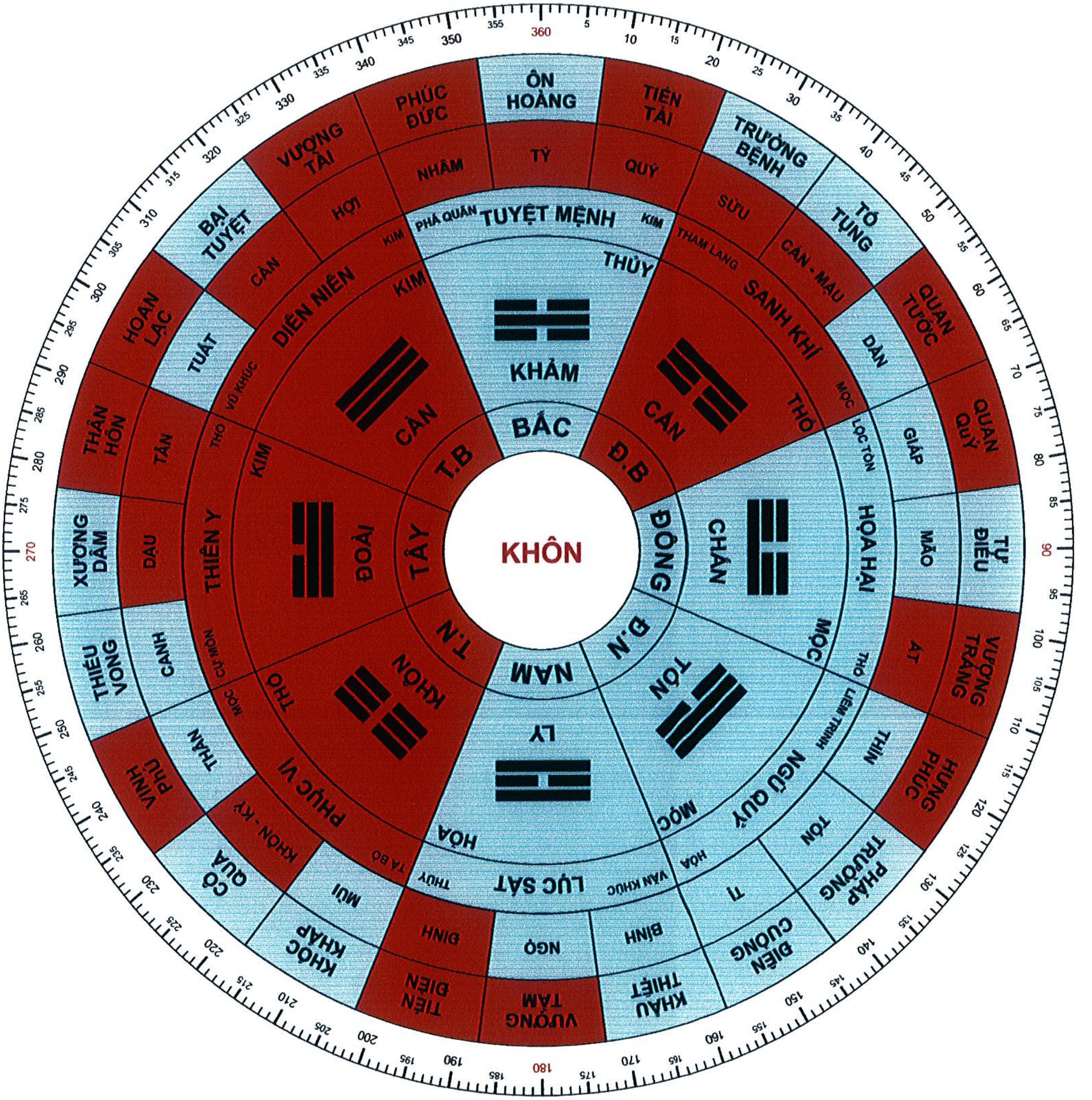
KHÔN
BẮC
Đ.B
ĐÔNG
Đ.N
NAM
T.N
TÂY
T.B
KHẢM
CẤN
CHẤN
TỐN
LY
KHÔN
ĐOÀI
CÀN
TUYỆT MỆNH
PHÁ QUÂN
KIM
THỦY
SANH KHÍ
THAM LANG
MỘC
THỔ
HỌA HẠI
LỘC TỒN
THỔ
MỘC
NGŨ QUỶ
LIÊM TRINH
HỎA
MỘC
LỤC SÁT
VĂN KHÚC
THỦY
HỎA
PHỤC VỊ
TẢ BỘ
MỘC
THỔ
THIÊN Y
CỰ MÔN
THỔ
KIM
DIÊN NIÊN
VŨ KHÚC
KIM
THỔ
NHÂM
TÝ
QUÝ
SỬU
CẤN - MẬU
DẦN
GIÁP
MÃO
ẤT
THÌN
TỐN
TỊ
BÍNH
NGỌ
ĐINH
MÙI
KHÔN - KỶ
THÂN
CANH
DẬU
TÂN
TUẤT
CÀN
HỢI
ÔN HOÀNG
TIẾN TÀI
TRƯỜNG BỆNH
TỐ TỤNG
QUAN TƯỚC
QUAN QUÝ
TỰ ĐIẾU
VƯỢNG TRANG
HƯNG PHÚC
PHÁP TRƯỜNG
ĐIÊN CUỒNG
KHẨU THIỆT
VƯỢNG TÀM
TIẾN ĐIỀN
KHỐC KHẤP
CÔ QUẢ
VINH PHÚ
THIẾU VONG
XƯƠNG DÂM
THÂN HÔN
HOAN LẠC
BẠI TUYỆT
VƯỢNG TÀI
PHÚC ĐỨC
360
5
10
15
20
25
30
35
40
45
50
55
60
65
70
75
80
85
90
95
100
105
110
115
120
125
130
135
140
145
150
155
160
165
170
175
180
185
190
195
200
205
210
215
220
225
230
235
240
245
250
255
260
265
270
275
280
285
290
295
300
305
310
315
320
325
330
335
340
345
350
355

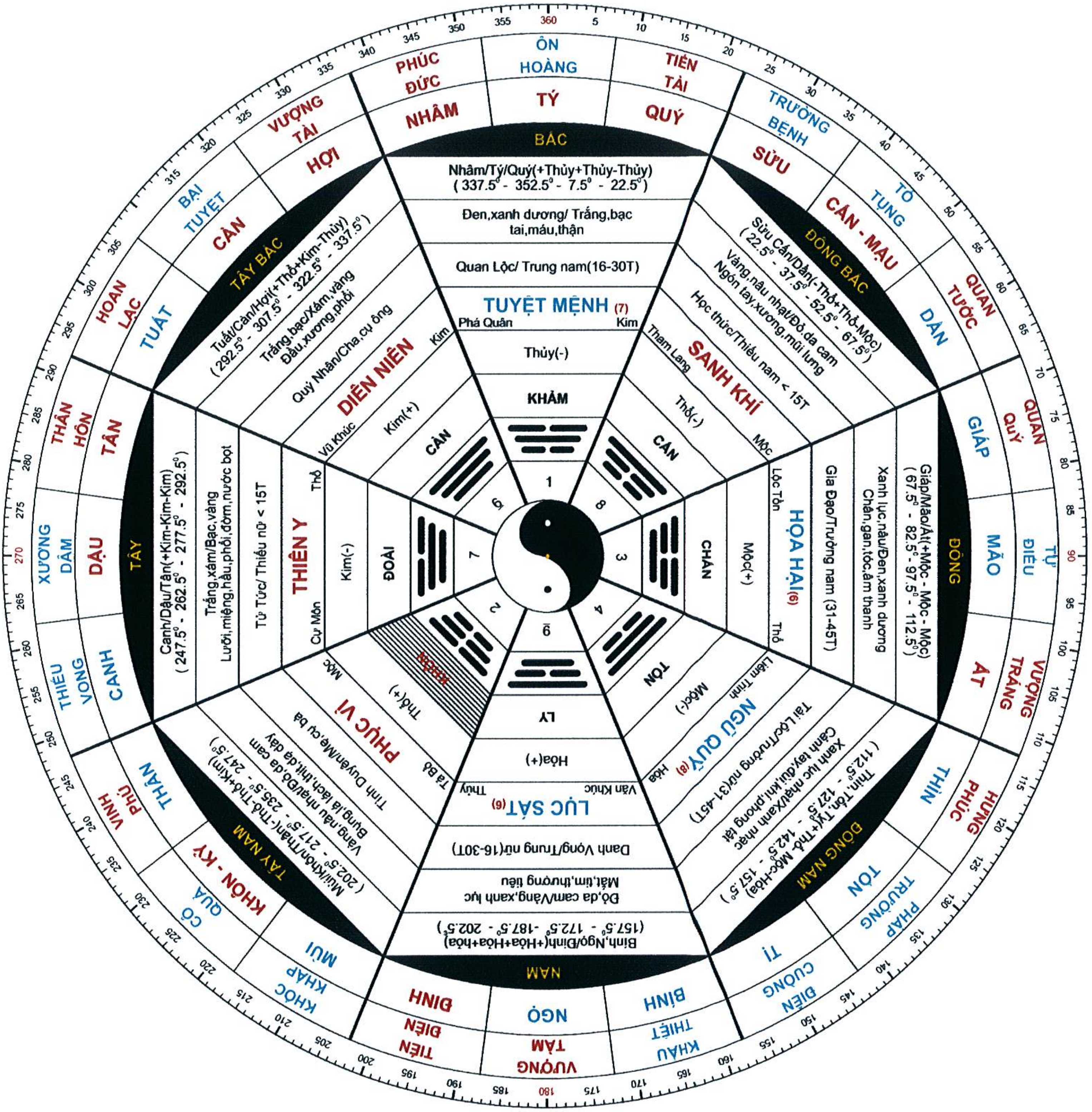
360 5 10 15 20 25 30 35 40 45 50 55 60 65 70 75 80 85 90 95 100 105 110 115 120 125 130 135 140 145 150 155 160 165 170 175 180 185 190 195 200 205 210 215 220 225 230 235 240 245 250 255 260 265 270 275 280 285 290 295 300 305 310 315 320 325 330 335 340 345 350 355
ÔN HOÀNG
TIỀN TÀI
TRƯỜNG BỆNH
TỐ TỤNG
QUAN TƯỚC
QUAN QUÝ
TỰ ĐIỀU
VƯỢNG TRÁNG
HƯNG PHÚC
PHÁP TRƯỜNG
ĐIÊN CUỒNG
KHẨU THIỆT
VƯỢNG TÀM
TIẾN ĐIỀN
KHỐC KHẤP
CÔ QUẢ
VINH PHÚ
THIẾU VONG
XƯƠNG DÂM
THÂN HÔN
HOAN LẠC
BẠI TUYỆT
VƯỢNG TÀI
PHÚC ĐỨC
NHÂM
TÝ
QUÝ
SỬU
CẤN - MẬU
DẦN
GIÁP
MÃO
ẤT
THÌN
TỐN
TỊ
BÍNH
NGỌ
ĐINH
MÙI
KHÔN - KỶ
THÂN
CANH
DẬU
TÂN
TUẤT
CÀN
HỢI
BẮC
ĐÔNG BẮC
ĐÔNG
ĐÔNG NAM
NAM
TÂY NAM
TÂY
TÂY BẮC
Nhâm/Tý/Quý(+Thủy+Thủy-Thủy)
(337.5° - 352.5° - 7.5° - 22.5°)
Đen,xanh dương/ Trắng,bạc
tai,máu,thận
Quan Lộc/ Trung nam(16-30T)
TUYỆT MỆNH (7)
Phá Quân
Kim
Thủy(-)
KHẢM
1
Sửu Cấn/Dần(-Thổ+Thổ+Mộc)
(22.5° - 37.5° - 52.5° - 67.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Ngón tay,xương,mũi lưng
Học thức/Thiếu nam < 15T
SANH KHÍ
Tham Lang
Mộc
Thổ(-)
CẤN
8
Giáp/Mão/Ất(+Mộc - Mộc - Mộc)
(67.5° - 82.5°- 97.5° - 112.5°)
Xanh lục,nâu/Đen,xanh dương
Chân,gan,tóc,âm thanh
Gia Đạo/Trưởng nam (31-45T)
HỌA HẠI(6)
Lộc Tồn
Thổ
Mộc(+)
CHẤN
3
Thìn,Tốn,Tỵ(+Thổ-Mộc-Hỏa)
(112.5° - 127.5° - 142.5° - 157.5°)
Xanh lục nhạt/Xanh nhạc
Cánh tay,đùi,khí,phong tật
Tài Lộc/Trưởng nữ(31-45T)
NGŨ QUỶ(8)
Liêm Trinh
Hỏa
Mộc(-)
TỐN
4
Bính,Ngọ/Đinh(+Hỏa+Hỏa+hỏa)
(157.5° - 172.5° -187.5° - 202.5°)
Đỏ,da cam/Vàng,xanh lục
Mắt,tim,thượng tiêu
Danh Vọng/Trung nữ(16-30T)
LỤC SÁT(6)
Văn Khúc
Thủy
Hỏa(+)
LY
9
Mùi/Khôn/Thân(-Thổ-Thổ+Kim)
(202.5° - 217.5° - 235.5° - 247.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Bụng,lá lách,thịt,da dày
Tình Duyên/Mẹ,cụ bà
PHỤC VỊ
Tả Bổ
Mộc
Thổ(+)
KHÔN
2
Canh/Dậu/Tân(+Kim-Kim-Kim)
(247.5° - 262.5° - 277.5° - 292.5°)
Trắng,xám/Bạc,vàng
Lưỡi,miệng,hầu,phổi,đờm,nước bọt
Tử Tức/ Thiếu nữ < 15T
THIÊN Y
Cự Môn
Thổ
Kim(-)
ĐOÀI
7
Tuất/Càn/Hợi(+Thổ+Kim-Thủy)
(292.5° - 307.5° - 322.5° - 337.5°)
Trắng,bạc/Xám,vàng
Đầu,xương,phổi
Quý Nhân/Cha,cụ ông
DIÊN NIÊN
Vũ Khúc
Kim
Kim(+)
CÀN
6

C

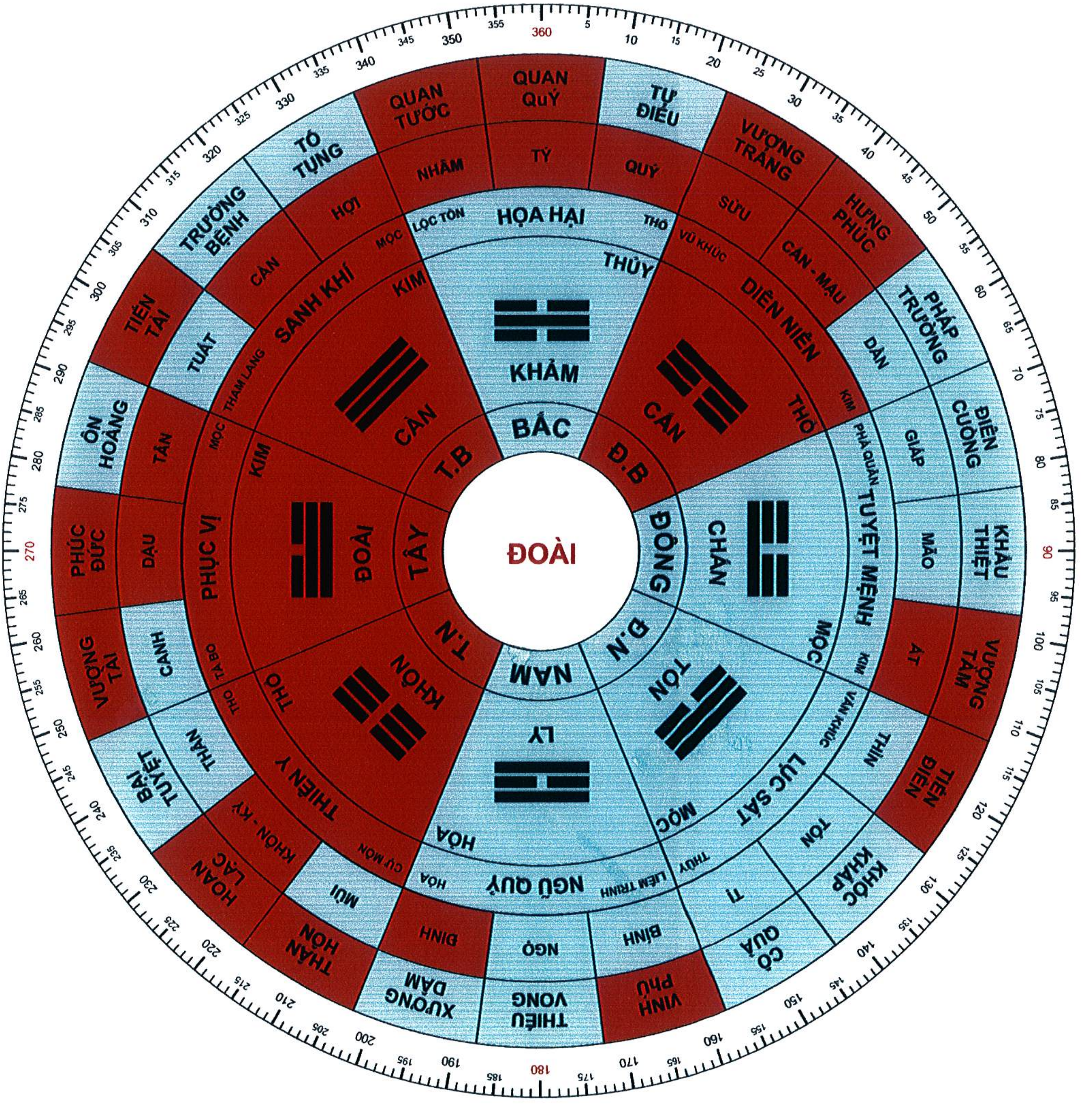
ĐOÀI
BẮC
Đ.B
ĐÔNG
Đ.N
NAM
T.N
TÂY
T.B
KHẢM
CẤN
CHẤN
TỐN
LY
KHÔN
ĐOÀI
CÀN
THỦY
THỔ
MỘC
MỘC
HỎA
THỔ
KIM
KIM
HỌA HẠI
LỘC TỒN
THỔ
DIÊN NIÊN
VŨ KHÚC
KIM
TUYỆT MỆNH
PHÁ QUÂN
KIM
LỤC SÁT
VĂN KHÚC
THỦY
NGŨ QUỶ
LIÊM TRINH
HỎA
THIÊN Y
CỰ MÔN
THỔ
PHỤC VỊ
TẢ BỘ
MỘC
SANH KHÍ
THAM LANG
MỘC
NHÂM
TÝ
QUÝ
SỬU
CẤN - MẬU
DẦN
GIÁP
MÃO
ẤT
THÌN
TỐN
TỊ
BÍNH
NGỌ
ĐINH
MÙI
KHÔN - KỶ
THÂN
CANH
DẬU
TÂN
TUẤT
CÀN
HỢI
QUAN QuÝ
TỰ ĐIẾU
VƯỢNG TRANG
HƯNG PHÚC
PHÁP TRƯỜNG
ĐIÊN CUỒNG
KHẨU THIỆT
VƯỢNG TÀM
TIẾN ĐIỀN
KHỐC KHẤP
CÔ QUẢ
VINH PhÚ
THIẾU VONG
XƯƠNG DÂM
THÂN HÔN
HOAN LẠC
BẠI TUYỆT
VƯỢNG TÀI
PHÚC ĐỨC
ÔN HOÀNG
TIẾN TÀI
TRƯỜNG BỆNH
TỐ TỤNG
QUAN TƯỚC
360
5
10
15
20
25
30
35
40
45
50
55
60
65
70
75
80
85
90
95
100
105
110
115
120
125
130
135
140
145
150
155
160
165
170
175
180
185
190
195
200
205
210
215
220
225
230
235
240
245
250
255
260
265
270
275
280
285
290
295
300
305
310
315
320
325
330
335
340
345
350
355

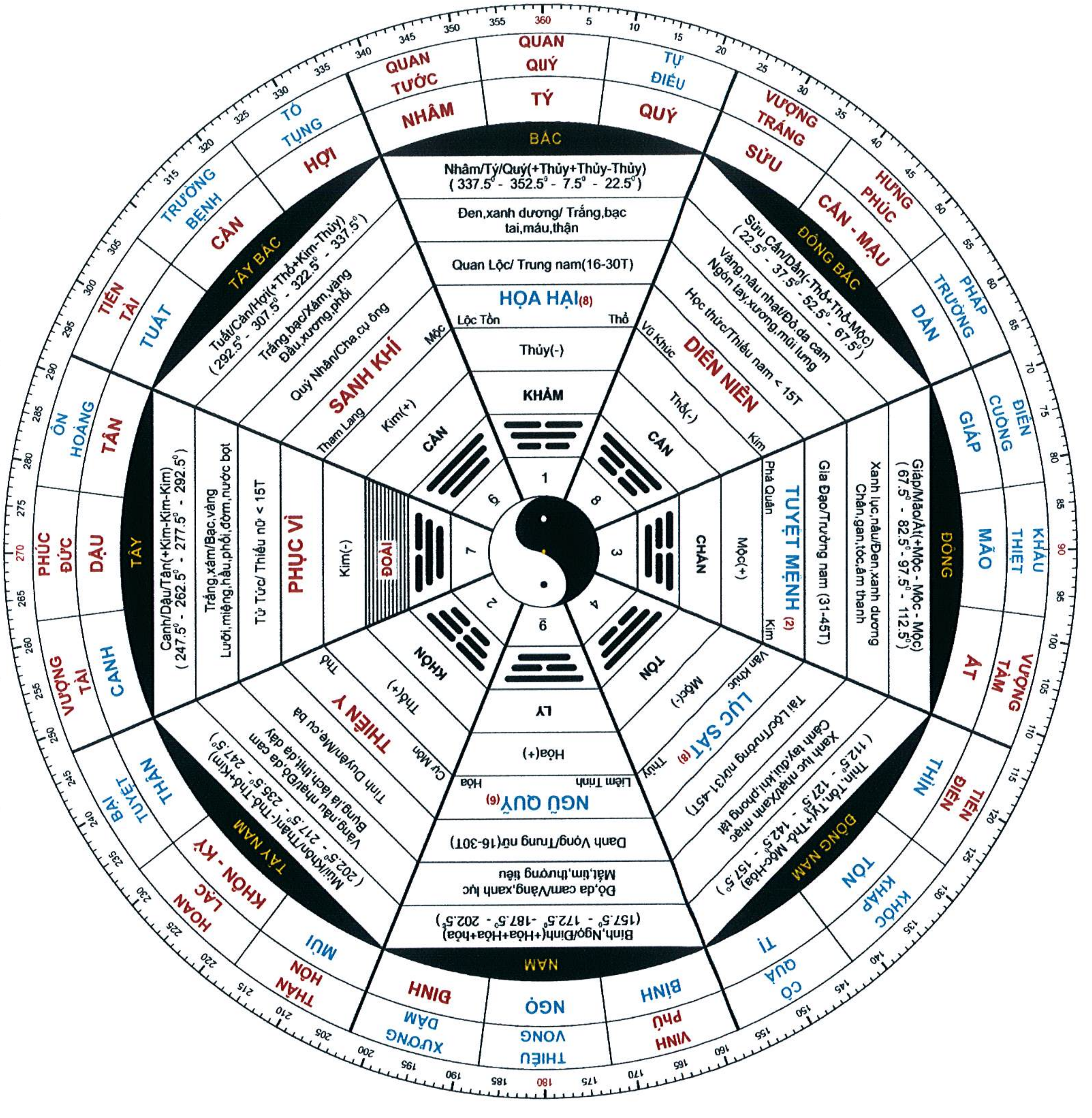
BẮC
Nhâm/Tý/Quý(+Thủy+Thủy-Thủy)
(337.5° - 352.5° - 7.5° - 22.5°)
Đen,xanh dương/ Trắng,bạc
tai,máu,thận
Quan Lộc/ Trung nam(16-30T)
HỌA HẠI(8)
Lộc Tồn
Thổ
Thủy(-)
KHẢM
1
NHÂM
TÝ
QUÝ
QUAN TƯỚC
QUAN QUÝ
TỰ ĐIẾU
ĐÔNG BẮC
Sửu Cấn/Dần(-Thổ+Thổ+Mộc)
(22.5° - 37.5° - 52.5° - 67.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Ngón tay,xương,mũi lưng
Học thức/Thiếu nam < 15T
DIÊN NIÊN
Vũ Khúc
Kim
Thổ(-)
CẤN
8
SỬU
CẤN - MẬU
DẦN
VƯỢNG TRÁNG
HƯNG PHÚC
PHÁP TRƯỜNG
ĐÔNG
Giáp/Mão/Ất(+Mộc - Mộc - Mộc)
(67.5° - 82.5° - 97.5° - 112.5°)
Xanh lục,nâu/Đen,xanh dương
Chân,gan,tóc,âm thanh
Gia Đạo/Trưởng nam (31-45T)
TUYỆT MỆNH (2)
Phá Quân
Kim
Mộc(+)
CHẤN
3
GIÁP
MÃO
ẤT
ĐIÊN CUỒNG
KHẨU THIỆT
VƯỢNG TÀM
ĐÔNG NAM
Thìn,Tốn,Tỵ(+Thổ-Mộc-Hỏa)
(112.5° - 127.5° - 142.5° - 157.5°)
Xanh lục nhạt/Xanh nhạc
Cánh tay,đùi,khí,phong tật
Tài Lộc/Trưởng nữ(31-45T)
LỤC SÁT (8)
Văn Khúc
Thủy
Mộc(-)
TỐN
4
THÌN
TỐN
TỊ
TIẾN ĐIỀN
KHỐC KHẤP
CÔ QUẢ
NAM
Bính,Ngọ/Đinh(+Hỏa+Hỏa+hỏa)
(157.5° - 172.5° -187.5° - 202.5°)
Đỏ,da cam/Vàng,xanh lục
Mắt,tim,thượng tiêu
Danh Vọng/Trung nữ(16-30T)
NGŨ QUỶ(6)
Liêm Trinh
Hỏa
Hỏa(+)
LY
9
BÍNH
NGỌ
ĐINH
VINH PHÚ
THIẾU VONG
XƯƠNG DÂM
TÂY NAM
Mùi/Khôn/Thân(-Thổ-Thổ+Kim)
(202.5° - 217.5° - 235.5° - 247.5°)
Vàng,nâu nhạt/Đỏ,da cam
Bụng,lá lách,thịt,dạ dày
Tình Duyên/Mẹ,cụ bà
THIÊN Y
Cự Môn
Thổ
Thổ(+)
KHÔN
2
MÙI
KHÔN - KỲ
THÂN
THÂN HÔN
HOAN LẠC
TUYỆT BẠI
TÂY
Canh/Dậu/Tân(+Kim-Kim-Kim)
(247.5° - 262.5° - 277.5° - 292.5°)
Trắng,xám/Bạc,vàng
Lưỡi,miệng,hầu,phổi,đờm,nước bọt
Tử Tức/ Thiếu nữ < 15T
PHỤC VÌ
Kim(-)
ĐOÀI
7
CANH
DẬU
TÂN
VƯỢNG TÀI
PHÚC ĐỨC
ÔN HOÀNG
TÂY BẮC
Tuất/Càn/Hợi(+Thổ+Kim-Thủy)
(292.5° - 307.5° - 322.5° - 337.5°)
Trắng,bạc/Xám,vàng
Đầu,xương,phổi
Quý Nhân/Cha,cụ ông
SANH KHÍ
Tham Lang
Mộc
Kim(+)
CÀN
6
TUẤT
CÀN
HỢI
TIẾN TÀI
TRƯỜNG BỆNH
TỐ TỤNG
360
5
10
15
20
25
30
35
40
45
50
55
60
65
70
75
80
85
90
95
100
105
110
115
120
125
130
135
140
145
150
155
160
165
170
175
180
185
190
195
200
205
210
215
220
225
230
235
240
245
250
255
260
265
270
275
280
285
290
295
300
305
310
315
320
325
330
335
340
345
350
355